TP.HCM : 272A Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
Đà nẵng : Lô A2-7, Đường Nguyễn Tất Thành Nối Dài, Tp. Đà Nẵng
Cần Thơ : KV Thạnh Huề, Phường Thường Thạnh, Q. Cái Răng, Tp. Cần Thơ
Hà Nội : 126-127 Lô A3, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
Nhà Máy 1 : Lô II-6, Đường CN11, KCN Tân Bình, Q. Tân Phú, Tp. HCM
Nhà Máy 2 : Lô C4 - C11, Đường số 4, KCN Nhị Xuân, H. Hóc Môn, Tp. HCM
Nhà máy 3 : Lô LG14-15-16, Đường số 3, KCN Xuyên Á, H. Đức Hòa, Long An

www.mpe.com.vn

facebook.com/manhphuongElectric

GET IT ON Google Play

Available on the App Store

MPE®

BẢNG GIÁ
Thiết Bị Điện
Tháng 4/2019

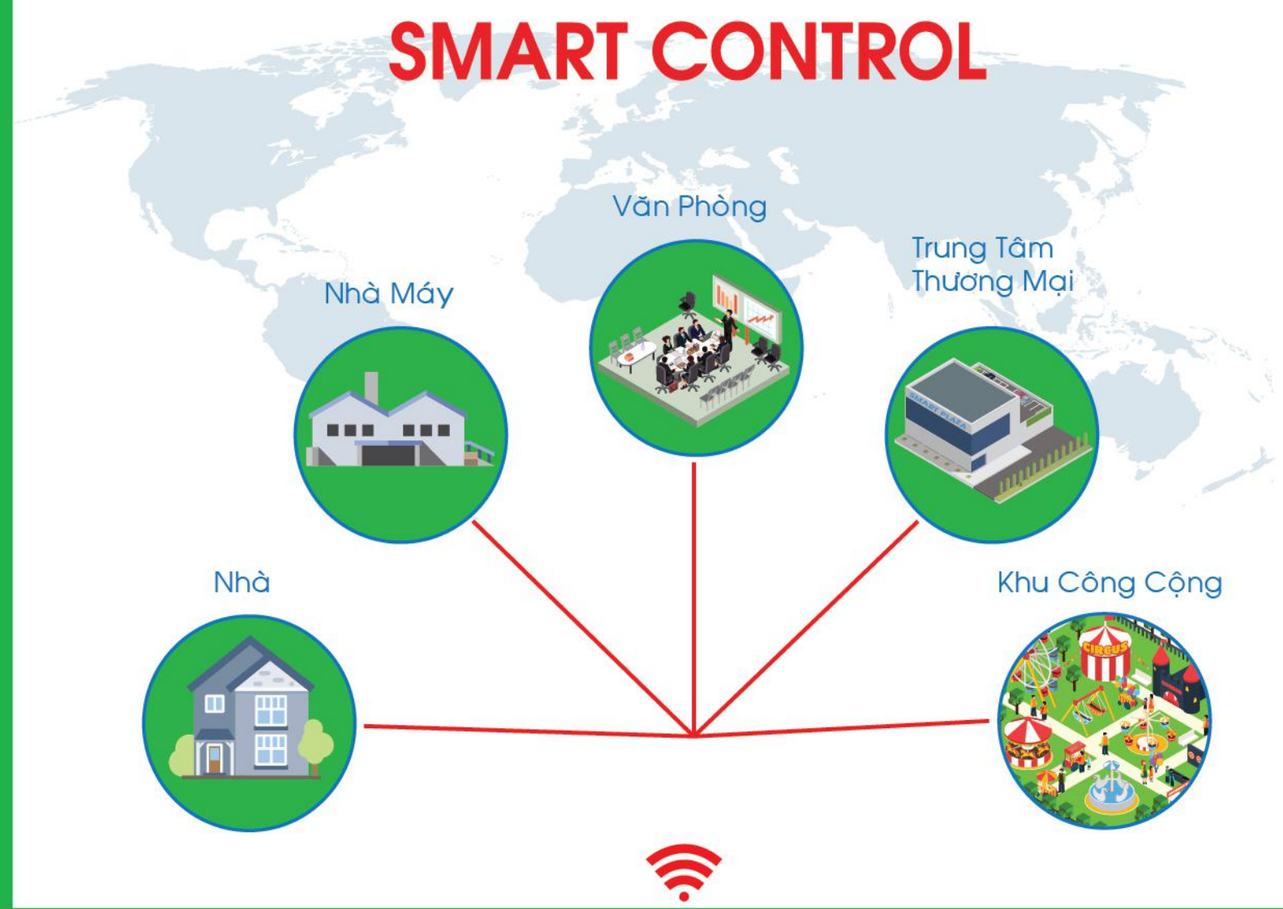

CE RoHS

DIALux
German Technology

MỤC LỤC

SMART PRODUCT

03-06 Hệ thống quản lý năng lượng thông minh: MCB, RCBO, module, phụ kiện
07-08 Tủ điện, tủ điện chống thấm
09-10 Plug Wifi, power strip, LED happy smart, đèn bàn
11-11 Công tắc & ổ cắm
12-16 LED smart lighting-Wifi: Bulb, panel, ceiling, strip, flood light, high bay
17-18 Gateway, cảm biến, đo lường, thiết bị bảo vệ, camera, chuông cửa
19-19 Khóa cửa, rèm cửa, adapter, switch box, van khóa
20-34 LED smart lighting-Bluetooth, Wifi, RF: Bulb, panel, tube, ceiling, strip

GENERAL PRODUCT

36-42 LED bulb, bulb 3 chế độ, bulb dimmable, bulb sensor bulb chống muỗi, bulb emergency, bulb 7 màu
43-43 LED bulb filament
44-56 LED mini panel, panel 3 chế độ, panel dimmable panel sensor, multi panel, slim panel
57-57 LED ốp trần, ốp trần 3 chế độ
58-59 LED big panel, big panel dimmable
60-63 LED tube alu, tube nano, tube thủy tinh, tube sensor, bộ batten LED tube
64-65 LED bán nguyệt, LED chống nổ, LED chống thấm, LED âm trần
66-66 LED flood light
67-69 LED high bay
70-71 LED exit, emergency
72-72 LED strip: LED strip AC, LED strip DC, LED strip Neon, phụ kiện
73-74 Máng công nghiệp, máng đèn chống thấm, máng âm trần, máng batten
75-82 LED Spot light, LED track light, LED downlight, LED linear
84-95 Công tắc & ổ cắm, thiết bị rời, hộp box
96-101 Ống luồn & phụ kiện
102-106 Thiết bị đóng cắt, bảo vệ: MCB, RCCB, RCBO, SB
107-109 Tủ điện, tủ điện chống thấm
110-113 Ổ cắm & phích cắm công nghiệp
114-114 Ổ cắm âm sàn, phụ kiện
115-116 Ổ cắm bàn, ổ cắm di động, ổ cắm du lịch, băng keo điện, dây cáp
117-117 Quạt hút âm tường, âm trần

MPE SMART CONTROL

HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN THÔNG MINH

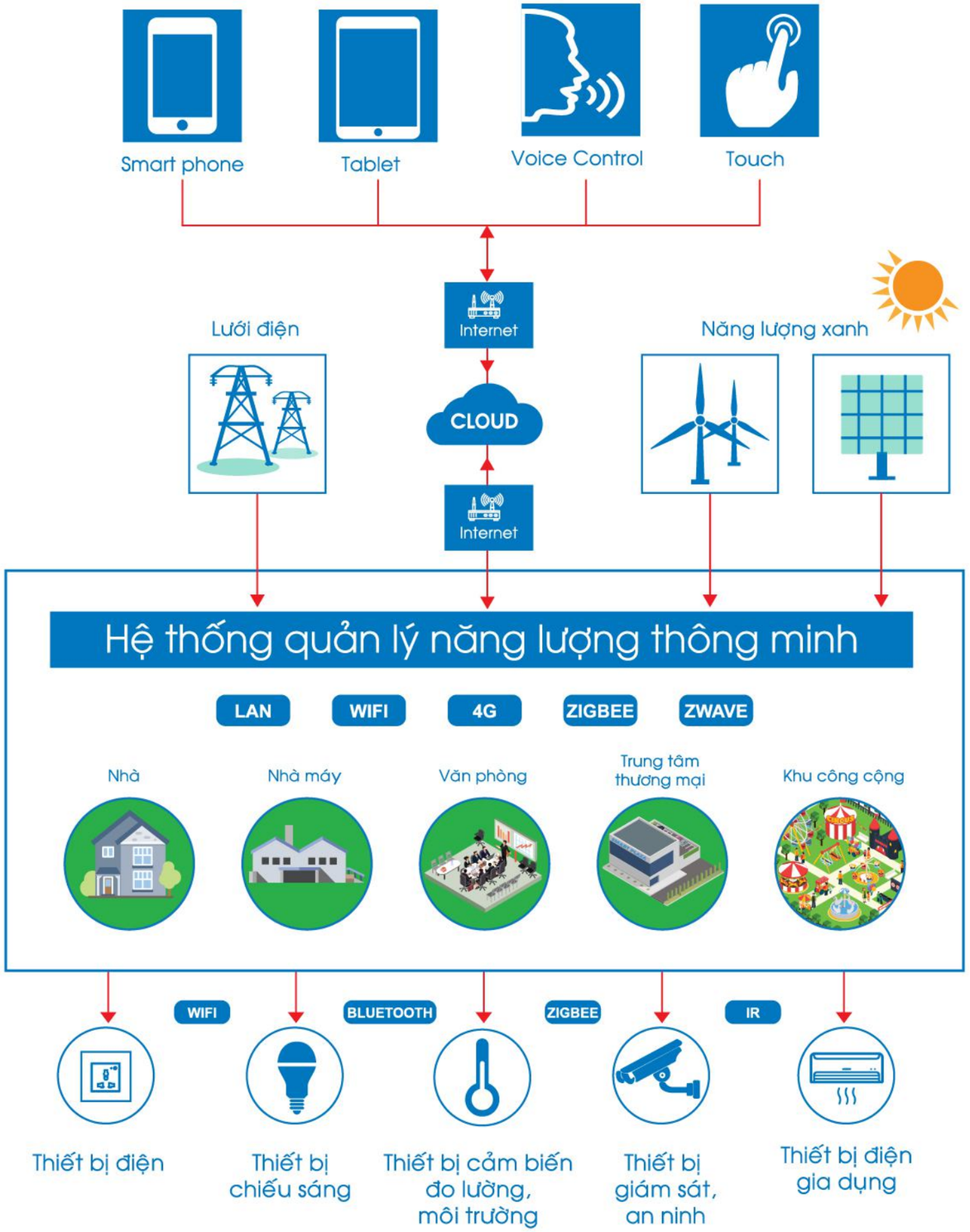

HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT VÀ ĐĂNG NHẬP SMART CB (CB THÔNG MINH)

1. Bấm và giữ nút “Wifi Hotspot” trên Module điều khiển trong 10 giây.

2. Kết nối Wifi của CB phát ra và nhập mật khẩu mặc định là 88888888.

3. Mở ứng dụng MPE Smart Breaker và nhập địa chỉ Mac được in trên Module mạng của CB.
   - Mật khẩu (mặc định): admin
   - Đặt tên thiết bị và lưu.
   - Kiểm tra số lượng CB hiển thị trên ứng dụng:
     + Nếu số lượng CB không đúng với thực tế làm bước 4.
     + Nếu số lượng CB đúng với thực tế bỏ qua bước 4 làm bước 5.

4. Chọn mục:
   - Điều khiển ➔ Cài đặt thông số ➔ Set up ➔ Cài đặt địa chỉ ➔ Tắt tất cả các CB và chọn “Bắt Đầu”.
   - Nhấn và giữ nút On/Off (màu cam) trên CB (nên ưu tiên trên CB tổng) cho đến khi đèn sáng nhấp nháy.
   - Chọn kết thúc.

5. Nhấp vào dấu “+” góc phải màn hình
   - Chọn mạng Wifi muốn kết nối.
   - Sửa đổi mật khẩu và chọn múi giờ, thời gian.
     (múi giờ GTM + 07:00 - Asian/Ho_Chi_Minh)

6. Trở về màn hình chính (nhấn vào biểu tượng trên màn hình)

7. Vào mục điều khiển để điều khiển các CB.

Bước 1

Bước 2.1

Bước 2.2

Bước 3

Bước 4.1

Bước 4.2

Bước 4.3

Bước 4.4

Bước 4.5

Bước 4.6

Bước 5.1

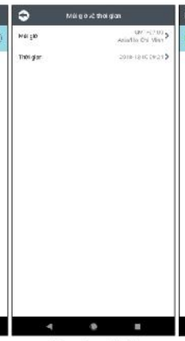
Bước 5.2

Bước 6

Bước 7

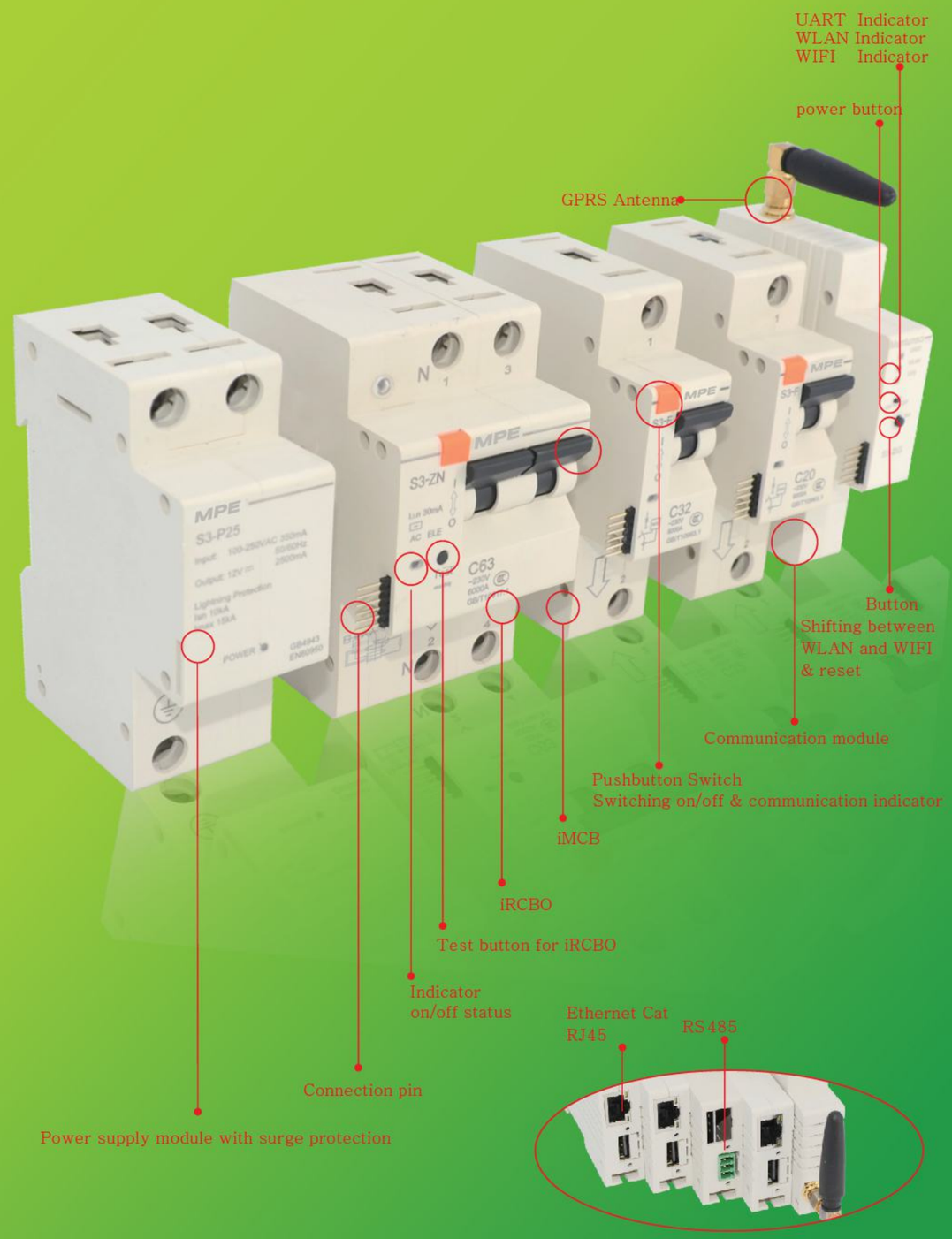

Hệ thống quản lý năng lượng thông minh

MCB 1P, 2P, 3P, 4P

Mã hàng Model	Số cực	Dòng định mức In (A)	Icu (kA)	Đơn giá Unit price (VNĐ)
MCBS-120 (1+20A)	1P	20A	6kA	1.499.000
MCBS-132 (1+32A)	1P	32A	6kA	1.499.000
MCBS-163 (1+63A)	1P	63A	6kA	1.499.000
MCBS-232 (1+32A)	2P	32A	6kA	3.778.000
MCBS-263 (1+63A)	2P	63A	6kA	3.778.000
MCBS-280 (1+80A)	2P	80A	6kA	3.778.000
MCBS-332 (1+32A)	3P	32A	6kA	5.728.000
MCBS-363 (1+63A)	3P	63A	6kA	5.728.000
MCBS-380 (1+80A)	3P	80A	6kA	5.728.000
MCBS-432 (1+32A)	4P	32A	6kA	6.690.000
MCBS-463 (1+63A)	4P	63A	6kA	6.690.000
MCBS-480 (1+80A)	4P	80A	6kA	6.690.000

Smart RCBO

Mã hàng Model	Số cực	Dòng định mức In (A)	Dòng rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Icu (kA)	Đơn giá Unit price (VNĐ)
RCBOS-232/30	2P	32A	30mA	6kA	3.970.000
RCBOS-263/30	2P	63A	30mA	6kA	3.970.000
RCBOS-280/30	2P	80A	30mA	6kA	3.970.000
RCBOS-432/30	4P	32A	30mA	6kA	7.149.000
RCBOS-463/30	4P	63A	30mA	6kA	7.149.000
RCBOS-480/30	4P	280A	30mA	6kA	7.149.000

Module cung cấp nguồn điện DC ổn định cho thiết bị đóng ngắt thông minh

PSS-25, PSS-25D

Mã hàng Model	Điện áp vào In put	Điện áp ra Out put	Dòng điện Ampe	Đơn giá Unit price (VNĐ)
PSS-25 Bộ cấp nguồn	110-265 VAC	12 VDC	2.5A	1.499.000
PSS-25D Bộ cấp nguồn	110-265 VAC	12 VDC	2.5A	1.799.000

Communication module Wifi, 4G, Zigbee

Mã hàng Model	Điện áp vào In put	Đơn giá Unit price (VNĐ)
MD-WF (Module Wifi)	12 VDC	2.266.000
MD-WF/4G (Module 4G)	12 VDC	4.247.000
MD-ZG/4G (Module 4G)	12 VDC	1.175.000

Chân cắm/ Cáp nối

Mã hàng Model	Sản phẩm	Kiểu dáng	Đơn giá Unit price (VNĐ)
PKMS-P6	Chân cắm Pin	6 Pin	3.000
PKMS-CT50	Cáp nối	50 cm	240.000
PKMS-CT80	Cáp nối	80 cm	450.000

Tủ điện sê-ri TS

Tủ điện sê-ri TS	Mã hàng Model	Số cực	Kích thước (AxBxCxDxH1xH2)mm	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	Tủ TS-4	2-4	148x160x128x148x90x70 mm	141.000
	Tủ TS-6	5-6	200x216x180x190x96x70 mm	187.000
	Tủ TS-12	7-12	311x248x286x226x96x70 mm	300.000
	Tủ TS-14	11-14	349x248x326x228x96x70 mm	390.000
	Tủ TS-20	15-20	468x248x434x228x96x76 mm	589.000
	Tủ TS-24	21-24	311x404x300x348x96x76 mm	840.000
	Tủ TS-32	25-32	396x496x372x475x105x76 mm	1.032.000
	Tủ TS-40	33-40	468x496x443x475x105x76 mm	1.191.000

Mô hình kích thước tủ điện/ Dimension

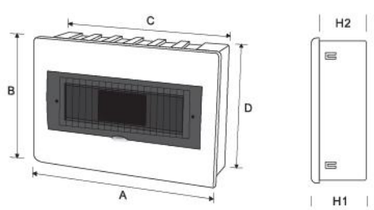

Phần thanh ray có thể thay đổi hướng lắp đặt

Thanh dẫn điện bằng đồng

Tủ điện sê-ri WP chống thấm IP66

Tủ điện sê-ri WP chống thấm IP66	Mã hàng Model	Số cực	Kích thước (LxHxW)mm	Đơn giá Unit price (VNĐ)
New	Tủ WP-4	2-4	107x212x92 mm	650.000
	Tủ WP-6	5-6	165x200x100 mm	810.000
New	Tủ WP-9	7-9	219x200x100 mm	996.000
	Tủ WP-12	10-12	273x230x110 mm	1.348.000
New	Tủ WP-18	13-18	381x230x110 mm	1.824.000
	Tủ WP-24	19-24	273x380x110 mm	2.375.000
	Tủ WP-36	25-36	381x380x110 mm	3.263.000

Hướng dẫn kết nối thiết bị thông minh với MPE Smart Control

1. Cài đặt ứng dụng MPE SMART CONTROL

- Quét mã QR hoặc tìm kiếm ứng dụng MPE SMART CONTROL trên CH Play / App Store.
- Đăng ký tài khoản, đọc kỹ và đồng ý các chính sách ứng dụng.
- Chọn quốc gia, nhập số điện thoại hoặc email. Hệ thống sẽ gửi mã xác minh vào số điện thoại hoặc email mà bạn đăng ký.
- Tạo mật khẩu cho tài khoản.
  (Lưu ý mật khẩu bao gồm cả chữ và số từ 6 đến 20 kí tự).

2. Kết nối thiết bị thông minh với MPE Smart Control

B1: Nhấn giữ nút nguồn của thiết bị khoảng 5 giây (ổ cắm, công tắc thông minh, cảm biến,...) hoặc "Tắt và Mở" nguồn điện 3 lần liên tục (đèn thông minh, thiết bị không có nút nguồn,...) cho đến khi đèn báo nhấp nháy nhanh 2 lần/giây.
- Nếu đèn báo nhấp nháy chậm 3 giây/lần thì ngắt thiết bị ra khỏi nguồn điện, đợi 10 giây cấp nguồn điện lại và thực hiện lại B1.

B2: Nhấp vào biểu tượng "+" tại góc phải trên cùng MPE Smart Control, chọn thiết bị tương ứng và làm theo hướng dẫn. Trường hợp bạn không tìm thấy thiết bị tương ứng, vui lòng chọn mục "Sản phẩm khác ".

Available on the App Store

GET IT ON Google Play

Mobile control | Voice control | 16 Million Color | Điện áp 220VAC | RA >80 | CE | RoHS compliant | Tần số 50Hz

Smart Wifi Plug	Mã hàng Model	Công suất Watt	Dòng điện Ampe	Kết nối Wifi	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	SWP15-1	2000W	15A	2.4Ghz, 1T1R	75x37.5x30 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 200 cái/thùng 200 pcs/carton	440.000
	SWP16-2	2000W	16A	2.4Ghz, 1T1R	85x40x30 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 200 cái/thùng 200 pcs/carton	484.000
	SWP16-3	2000W	16A	2.4Ghz, 1T1R	85x42x34 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 200 cái/thùng 200 pcs/carton	484.000

Smart Power Strip WIFI	Mã hàng Model	Công suất USB	Dòng điện Ampe	Kết nối Wifi	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	SPS1	5V 2.1A	15A	2.4Ghz	335x65x40 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	1.066.000

LED Happy Smart Wifi	Mã hàng Model	Công suất Watt	Điện áp VAC	Tần số Hz	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	BHS2/SC	1-9W	220VAC	50Hz	270x270x500 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 12 cái/thùng 12 pcs/carton	1.945.000

Đèn Bàn Smart WIFI	Mã hàng Model	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Tần số Hz	Điện áp VAC	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	TL4/SC	10W	600Lm	2700-6000K	50Hz	220VAC	2.400.000

Smart Switch & Socket - *Wifi*

Hình ảnh Picture	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
	SW1/SC • Mặt 1 công tắc - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang, 5A	849.000
	SW2/SC • Mặt 2 công tắc - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang, 5A	916.000
	SW3/SC • Mặt 3 công tắc - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang, 5A	987.000
	SW4/SC • Mặt 4 công tắc - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang, 5A	1.291.000
	CSW/SC • Công tắc rèm cửa - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang, 5A	1.035.000

Hình ảnh Picture	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
	DIM1/SC • Dimmer đèn - KT: 120x72x43 mm - Tải định mức: 1000W/gang, 5A	1.252.000
	SO2/SC • Ổ cắm đôi 3 chấu - KT: 120x72x43 mm - 10A	1.183.000
	MAT1/SC • Mặt 1 lỗ - KT: 115x72x43 mm	118.000
	MAT2/SC • Mặt 2 lỗ - KT: 115x72x43 mm	142.000
	MAT3/SC • Mặt 3 lỗ - KT: 115x72x43 mm	165.000

Smart Switch & socket - *Wifi*

Hình ảnh Picture	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
	SWV1/SC • Mặt 1 công tắc - KT: 86 x 86 mm - Tải định mức: 3-700W/gang, 10A	849.000
	SWV2/SC • Mặt 2 công tắc - KT: 86 x 86 mm - Tải định mức: 3-700W/gang, 10A	916.000

Hình anh~ ´ Picture	Ma số / Diên giai´ Cat. No./ Description	Đơn gia (VNĐ) Unit Price
	SWV3/SC • Mặt 3 công tắc - KT: 86 x 86 mm - Tải định mức: 3-700W/gang, 10A	987.000
	SOMV/SC • Mặt ổ cắm đa năng - KT: 86 x 86 mm - Tải định mức: 3-700W/gang, 10A	939.000

Đèn LED Smart Wifi

LED Bulb Smart Wifi	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đuôi đèn	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
9W	LB-9/SC	806 Lm	2700 - 6500K RGB	60x118 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	**417.000**
13W	LB-13/SC	1200 Lm	2700 - 6500K RGB	95x135 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	**515.000**
20W	LB-20/SC	1800 Lm	2700 - 6500K RGB	100x185 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	**718.000**
30W	LB-30/SC	2700 Lm	2700 - 6500K RGB	118x210 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 12 cái/thùng 12 pcs/carton	**910.000**
40W	LB-40/SC	3600 Lm	2700 - 6500K RGB	135x238 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 8 cái/thùng 8 pcs/carton	**1.024.000**
50W	LB-50/SC	4500 Lm	2700 - 6500K RGB	135x238 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 8 cái/thùng 8 pcs/carton	**1.399.000**

LED Bulb Filament Smart Wifi	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Điện áp VAC	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
16W	FLM-6/A60SC	600 Lm	3000K	60x105 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 50 cái/thùng 50 pcs/carton	**345.000**
16W	FLM-6/G95SC	600 Lm	3000K	95x140 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	**385.000**
16W	FLM-6/ST64SC	600 Lm	3000K	64x140 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	**365.000**

Đèn LED âm trần WIFI

Mobile control | Voice control | 16 Million Color | CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | RA >80

Panel tròn âm smart led WIFI	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	RPL-6/SC	500 Lm	2700-6500 K/RGB	Ø 120 mm	Ø105 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 60 cái/thùng 60 pcs/carton	**720.000**
	RPL-9/SC	750 Lm	2700-6500 K/RGB	Ø 150 mm	Ø130 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	**770.000**
	RPL-12/SC	950 Lm	2700-6500 K/RGB	Ø 170 mm	Ø150 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	**849.000**
	RPL-18/SC	1500 Lm	2700-6500 K/RGB	Ø 225 mm	Ø205 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	**998.000**
	RPL-24/SC	1800 Lm	2700-6500 K/RGB	Ø 300 mm	Ø280 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	**1.304.000**

Đèn smart LED Wifi

Mobile control | Voice control | 16 Million Color | CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | RA >80

Panel tròn nổi smart led WIFI	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	PF	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	SRPL-12/SC	950 Lm	2700-6500 K/RGB	Ø 170x35 mm	>0.5	1 cái/hộp 1 pc/box 30 cái/thùng 30 pcs/carton	**899.000**
	SRPL-18/SC	1500 Lm	2700-6500 K/RGB	Ø 217x35 mm	>0.5	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	**1.077.000**
	SRPL-24/SC	1800 Lm	2700-6500 K/RGB	Ø 300x35 mm	>0.5	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	**1.399.000**

Big panel smart led WIFI	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	PF	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	FPL-3030/SC	1800 Lm	2700-6500 K/RGB	300x300x11 mm	>0.9	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	**1.855.000**
	FPL-6030/SC	2250 Lm	2700-6500 K/RGB	600x300x11 mm	>0.9	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	**2.189.000**
	FPL-6060/SC	3600 Lm	2700-6500 K/RGB	600x600x11 mm	>0.9	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	**2.954.000**
	FPL-12030/SC	3600 Lm	2700-6500 K/RGB	1230x300x11 mm	>0.9	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	**3.665.000**

Đèn ceiling LED smart Wifi

Mobile control | Voice control | 16 Million Color | CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | RA >80

Ốp Trần Ceiling Smart LED WIFI	Mã hàng Model	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	CL-20/SC	1W - 20W	2000 Lm	2700-6500 K/RGB	Ø 300x85 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	999.000
	CL-30/SC	1W - 30W	3000 Lm	2700-6500 K/RGB	Ø 350x85 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	1.335.000

Ceiling LED border - Viền đèn LED ốp trần ceiling

Viền Đèn	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
	BD30-W Màu trắng (White) 20W	179.000
	BD35-W Màu trắng (White) 30W	212.000
	BD30-S Màu xám bạc (Silver) 20W	179.000
	BD35-S Màu xám bạc (Silver) 30W	212.000
	BD30-C Màu crôm (Crom) 20W	179.000
	BD35-C Màu crôm (Crom) 30W	212.000

Viền Đèn	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
	BD30-R Màu đỏ (Red) 20W	179.000
	BD35-R Màu đỏ (Red) 30W	212.000
	BD30-G Màu vàng (Gold) 20W	179.000
	BD35-G Màu vàng (Gold) 30W	212.000

Đèn LED smart Wifi

Mobile control | Voice control | 16 Million Color | CE | RoHS compliant | Điện áp 220VAC | RA >80

Đèn Dây LED Strip WIFI	Mã hàng Model	Nguồn ra VDC	Nhiệt độ màu CCT	Dòng điện Ampe	Công suất Watt	Chiều dài Meter	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	LS/SC	12VDC	RGB-W	5A	14.4W/m	5m	5 m/hộp 5 m/box 40 hộp/thùng 40 box/carton	908.000
	LSAC/SC	220VDC	RGB-W	2A	8W/m	25m	25 m/thùng 25 m/carton	143.000/m

Bộ Nguồn LED Strip WIFI AC 220V	Mã hàng Model	Công suất Watt	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	CLS/SC	400W	959.000

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
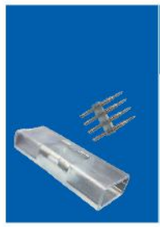	MC-LSAC/SC Khớp nối giữa LED Strip Smart AC	37.000

Đèn Pha LED Flood Light Smart WIFI	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	PF	IP	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	FLD-10/SC	1000Lm	6500K	>0.9	65	100x133x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	-
	FLD-20/SC	2000Lm	6500K	>0.9	65	100x175x40 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	-
	FLD-30/SC	3000Lm	6500K	>0.9	65	180x220x45 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	-

Đèn High Bay Smart WIFI	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	PF	IP	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	HB-100T/SC	12.000Lm	6500k Dimmable	>0.9	65	280x220 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 1 cái/thùng 1 pcs/carton	5.744.000
	HB-150T/SC	18.000Lm	6500k Dimmable	>0.9	65	340x220 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 1 cái/thùng 1 pcs/carton	7.315.000
	HB-200T/SC	24.000Lm	6500k Dimmable	>0.9	65	400x220 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 1 cái/thùng 1 pcs/carton	8.494.000

Cảm biến - đo lường - thiết bị bảo vệ

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	DS1/SC Cảm biến cửa - Phát hiện tình trạng đóng/mở cửa	676.000
	MS1/SC Cảm biến chuyển động - Phát hiện chuyển động trong phạm vi 7m	850.000
	WS1/SC Cảm biến nước - Có âm thanh và cảnh báo khi có phát hiện rò rỉ nước	993.000
	SMS1/SC Cảm biến khói - Dùng cảm biến hồng ngoại - Có âm thanh và nháy đèn (85dB)	1.280.000
	COS1/SC Cảm biến khí CO - Có âm thanh và nháy đèn (85dB)	2.708.000

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	GAS1/SC Cảm biến Gas Phát hiện rò rỉ khí Gas và cảnh báo	2.067.000
	LMS1/SC Cảm biến quang - Đo độ sáng trong phạm vi 5m, hiển thị trên ứng dụng	668.000
	SR1/SC Còi báo động - Âm thanh 85dB - Có nhiều âm thanh để lựa chọn	999.000
	THD1/SC Máy đo chất lượng không khí - Đo nhiệt độ - Đo độ ẩm - Đo hạt bụi trong không khí	3.166.000
	EVD1/SC Máy đo chất lượng không khí đa năng - Đo nhiệt độ - Đo độ ẩm - Đo hạt bụi trong không khí - Đo các thông số CH20, VOC, CO2	8.495.000

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	TMS1/SC Thiết bị đo nhiệt độ có tích hợp bộ điều khiển - Hiển thị thời gian - Đo nhiệt độ môi trường - Điều khiển trực tiếp quạt (3 tốc độ), van nóng lạnh	2.708.000

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	ARP1/SC Máy lọc không khí - Lọc sạch bụi bẩn trong không khí - 8 tốc độ quạt cho phép làm sạch nhanh hơn - Đo số lượng hạt bụi trong không khí với kích thước hạt 2.5μm - 3 chế độ - Có tính năng an toàn cho trẻ em - Dễ dàng vệ sinh và thay thế linh kiện	11.995.000

Gateway

	Mã hàng Model	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	GT02-W/BT Gateway chuyển từ Wifi sang Bluetooth	670.000

	Mã hàng Model	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	GT02-W/ZB Gateway chuyển từ Wifi sang Zigbee	1.600.000

	Mã hàng Model	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	GT02-W/IR Gateway chuyển từ Wifi sang IR	720.000

Smart camera Wifi	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	CI1/SC Camera trong nhà Indoor camera - Góc xoay: 365° - Góc ảnh: 80° -Định dạng video H264 - Ống kính: 3.6mm - Độ phân giải 2MP - Hỗ trợ thẻ nhớ 64GB	1.690.000

Smart Camera Wifi	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	CO1/SC Camera ngoài trời Outdoor Camerac - Ống kính: 36mm - Góc ảnh: 80° - Định dạng H264 - Độ phân giải 2MP - Hồng ngoại: 8-10m - Kết nối APP smart	1.820.000

Chuông Cửa Camera Smart - WIFI	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	VDB1/SC Chuông cửa Camera Smart Doorbell with camera - Đàm thoại 2 chiều - Tự động ghi hình khi phát hiện chuyển động	2.944.000

Chuông Cửa Smart - WIFI	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	SDB1/SC Chuông cửa Smart Doorbell - Có 5 âm thanh để lựa chọn - Khoảng cách: <50m - Âm lượng: 0-90 dB	536.000

Chuông Cửa không Dây	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	DB2 Chuông cửa không dây không Pin Wireless doorbell - 32 âm tùy chọn - 4 mức âm lượng - Tần số: 433MHz	595.000

Khóa cửa smart

Vân tay | Chìa khóa | Smart Control | Thẻ từ | Password

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	DL1-D/SC Khóa cửa Smart màu đen - Tiêu thụ năng lượng thấp: <50μA - Hỗ trợ nguồn phụ khi hết pin: Micro USB 5V - Cảnh báo khi sắp hết Pin - Tuổi thọ pin: >5000 lần - Điện áp hoạt động: 4.2-6V (4 pin AA) - Xem lịch sử mở khóa qua ứng dụng	8.139.000

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	DL2-D/SC Khóa cửa Smart - Khóa màu đen - 5 cách mở khóa cửa	12.826.000
	DL2-V/SC Khóa cửa Smart - Khóa màu vàng - 5 cách mở khóa cửa	12.826.000

Rèm cửa smart

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	CM1/SC Curtain - Điện áp: 220VAC - Công suất: 6.5W,IP20 - Tốc độ: 16cm/s	3.611.000
	CR1/SC Thanh ray rèm cửa - Chiều dài: 1m	903.000

Rèm cửa smart

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	RMC/SC Remote điều khiển rèm cửa - Mỗi remote điều khiển được 2 motor - Khoảng cách: 10m	460.000
	RB1/SC Màn chiếu Smart	1.980.000

Light adapter

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	LA01/SC Đui đèn chuyển bóng đèn thường thành bóng Smart -Đui E27	490.000
	RC-433/SC Điều khiển thông minh - Tối đa 4 thiết bị - khoảng cách điều khiển: 30m	118.000

Switch box

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	SB01/SC Hộp điều khiển từ xa thông minh	354.000

Van khóa

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	WV1/SC Ổ cắm đa năng chống thấm nước	1.862.000

Van khóa

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	SWP1/SC Van khóa nước/ gas - Lực mở: 1.6 MPA - Mô men xoắn: 30-60 kg.cm3	1.080.000

LED Smart Lighting

CÀI ĐẶT VÀ SỬ DỤNG APP KẾT NỐI BLUETOOTH

Download APP

H1

- Tạo tài khoản (Sử dụng tiếng việt không dấu) và Đăng nhập.
- Lưu ý: Mở bluetooth trước khi đăng nhập.

H2

- Bấm (+) để dò tìm đèn kết nối với APP.
- Đèn phải được cấp nguồn điện trước khi dò tìm

H3

- Tất cả đèn được cấp nguồn điện sẽ xuất hiện tín hiệu Mesh trên APP.
- Bấm thêm tất cả để thêm đèn kết nối với APP, đèn nháy xanh lá là đã kết nối

H4

- Sau khi tất cả đèn đã kết nối với APP thì bấm hoàn tất.

H5

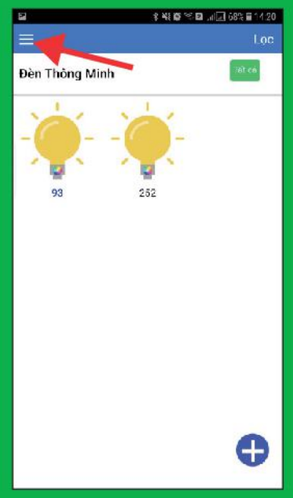

- Bấm vào Menu chọn Thiết bị.
- Bấm vào hình đèn và giữ khoảng 2 giây để điều khiển các tính năng của đèn.
- Muốn điều khiển tất cả đèn đồng bộ thì bấm vào ô "Tất cả"

H6

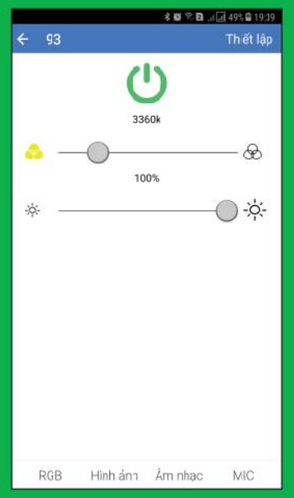

- Bấm " "để Tắt /Mở đèn.
- Di chuyển thanh trượt "" để thay đổi Nhiệt độ màu.
- Di chuyển thanh trượt "" để điều chỉnh độ sáng.
- Bấm vào mục RGB để vào trang điều khiển RGB

H7

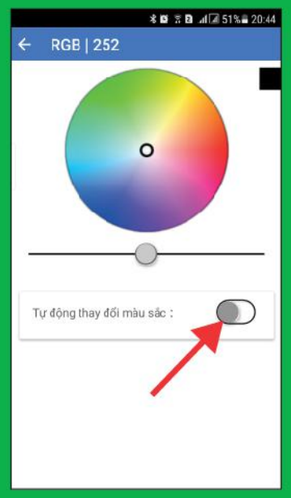

- Di chuyển con trỏ trên bảng màu tròn để thay đổi màu (16 triệu màu)
- Di chuyển thanh trượt để điều chỉnh độ sáng
- Bấm vào ô Tự động thay đổi màu sắc, xuất hiện H8.

H8

- Màn hình có 4 ô để tùy chọn màu.
- Bấm vào từng ô và chọn màu trên bảng màu cho ô đó.
- Bấm vào số 2 để cài đặt thời gian (giây) thay đổi màu sắc tự động.
- Bấm "CÓ" để tự động thay đổi màu sắc.

CÀI ĐẶT VÀ SỬ DỤNG APP KẾT NỐI BLUETOOTH

H9

- Trở về trang điều khiển H6 và bấm vào "Hình ảnh", xuất hiện H9.
- Chọn hình ảnh, bấm vào từng vị trí trên hình ảnh thì màu sắc đèn thay đổi theo màu sắc của vị trí đó.

H10

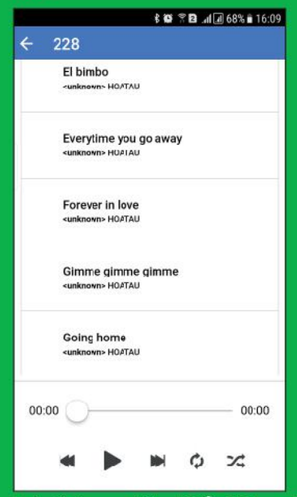

- Trở về trang điều khiển H6 và bấm vào "Âm nhạc".
- Chọn nhạc và phát thì màu đèn sẽ thay đổi theo điệu nhạc. Bài hát phải có sẵn trong bộ nhớ máy.
Lưu ý: Đối với hệ điều hành IOS ứng dụng phải được cấp quyền truy cập " phương tiện & Apple music" trong mục cài đặt.

H11

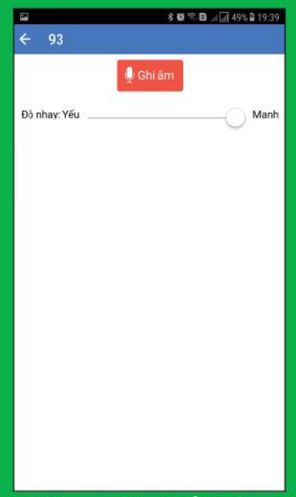

- Trở về trang điều khiển H6 và bấm vào "MIC".
- Đèn sẽ thay đổi màu sắc ánh sáng theo âm thanh, giọng nói.
Lưu ý: Đối với hệ điều hành IOS ứng dụng phải được cấp quyền truy cập " MICRÔ" trong mục cài đặt.

H12

- Trở về trang điều khiển H6 và bấm vào Thiết lập.
- Tại đây ta có thể đặt lại tên mới cho thiết bị (đèn). Không được thay đổi "vị trí thiết bị"
- Bấm "lưu lại" để lưu tên mới cho thiết bị.
- Nếu muốn đèn trở lại trạng thái ban đầu khi chưa kết nối thì Bấm " cài đặt lại mặc định " để đèn thoát ra khỏi APP

H13

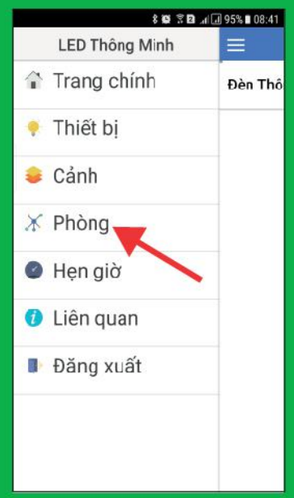

- Để điều khiển từng "Phòng/Nhóm" đèn riêng biệt, trở lại H5 bấm vào menu chọn mục "Phòng" xuất hiện H14.
Lưu ý: Để sử dụng được tính năng "Cảnh" và "Hẹn giờ", phải tạo "Phòng/Nhóm" trước.

H14

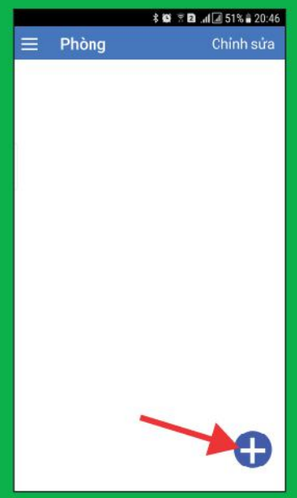

- Bấm "+" để tạo Phòng/Nhóm (tối đa 8 phòng)

H15

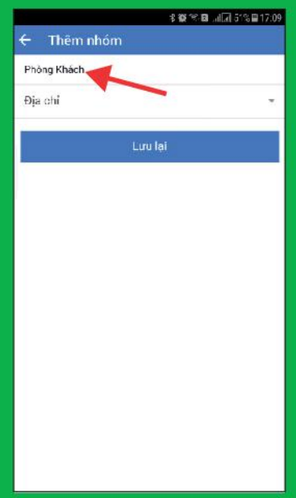

- Bấm Tên nhóm để đặt tên Phòng / Nhóm.
Ví dụ đặt tên: Phòng khách, phòng ngủ...
- Bấm lưu lại

H16

- Bấm vào Tên nhóm / phòng đã đặt tên để cài đặt.
Ví vụ: Bấm "Phòng Khách"

H17

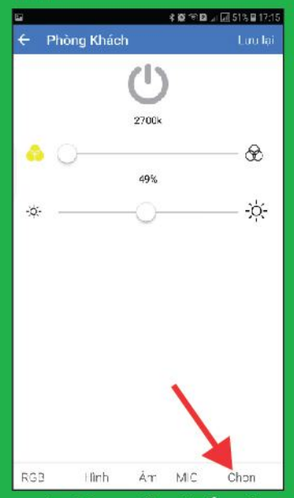

- Vào bảng điều khiển của Phòng thì chúng ta có thể điều khiển: giống như hình 6,7,8,9,10,11. (Phải chọn đèn cho Phòng / Nhóm)
- Bấm Chọn thì ra hình H18.

H18

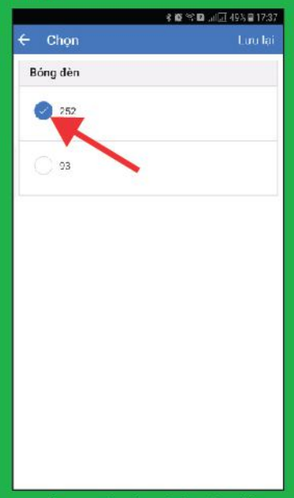

- Hiện ra danh sách các đèn đã kết nối APP.
- Bấm vào đèn cần cài cho Nhóm.
- Bấm "Lưu lại " sẽ hiện ra hình H17 và điều khiển tương tự.

H19

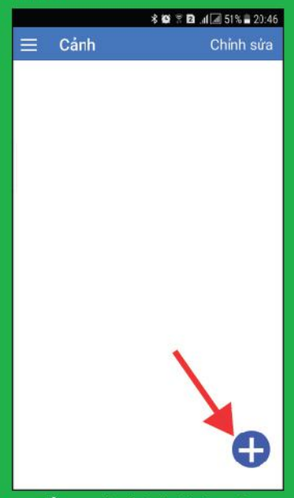

- Để tạo "Cảnh" (ánh sáng theo sở thích) ta tạo cảnh như sau:
- Vào menu chính chọn "Cảnh" xuất hiện H19.
- Bấm + để tạo cảnh
(tối đa 16 cảnh)

H20

- Đặt tên cho Cảnh.
Ví dụ: đặt tên "Sáng vàng"
- Bấm "Lưu lại " sẽ hiện ra hình H21.

H21

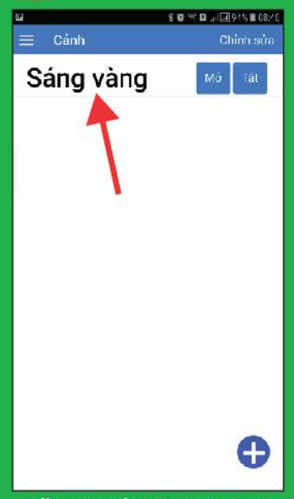

- Bấm vào Cảnh "Sáng vàng" và cài đặt thông số.

H22

- Bấm vào Chọn để chọn nhóm đèn muốn cài đặt

H23

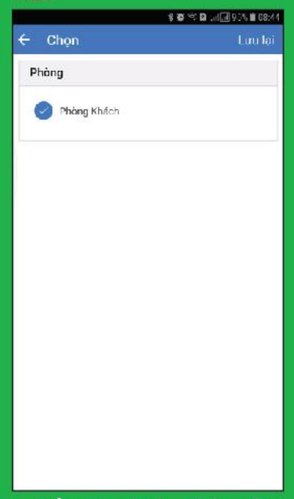

- Hiện ra danh sách các Phòng / Nhóm đã tạo
- Bấm vào Phòng / Nhóm cần cài cho cảnh
- Bấm "Lưu lại" trở lại hình H22, sau đó chọn màu sắc ánh sáng theo sở thích.
- Bấm " Lưu lại" để lưu dữ liệu cho Cảnh.

H24

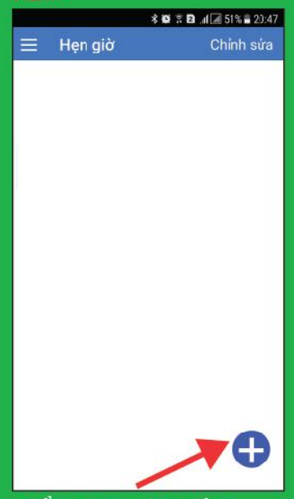

- Để tạo hẹn giờ tự động Tắt / Mở cho một Phòng/Nhóm đèn, vào menu chính bấm "Hẹn giờ" xuất hiện hình H24.
- Bấm "+" để tạo hẹn giờ
(tối đa 10 Hẹn giờ).

H25

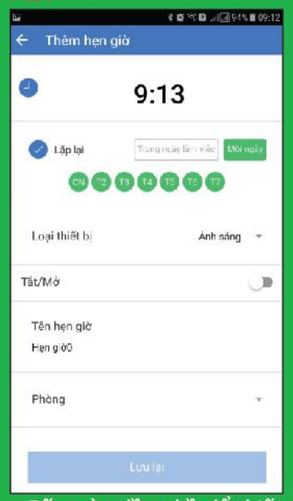

- Bấm vào đồng hồ để thiết lập thời gian hẹn giờ.
- Bấm "lặp lại" để tùy chọn ngày trong tuần.
- Nếu không "lặp lại" thì chỉ dùng hẹn giờ 1 lần.

H26

- Loại thiết bị:
+ Chọn "Ánh sáng" để điều khiển đèn.
+ Chọn " Ổ cắm" để điều khiển ổ cắm thông minh.

Tắt/Mở

H27

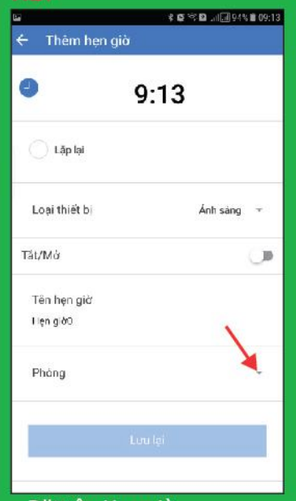

- Đặt tên Hẹn giờ
- Chọn Phòng cần hẹn giờ
- Sau khi bấm "Lưu lại" đèn của Phòng/Nhóm được cài hẹn giờ sẽ sáng nháy xanh lá báo hiệu đã thiết lập.

H28

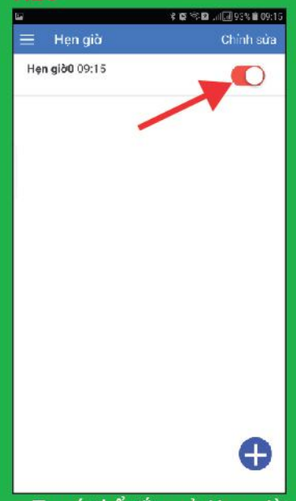

- Ta có thể tắt mở Hẹn giờ theo nhu cầu sử dụng.

CÁCH THIẾT LẬP ĐÈN VỀ MẶC ĐỊNH BAN ĐẦU

(Trường hợp quên tên đăng nhập và mật khẩu)

Ta làm các bước như sau: **(thực hiện 4 bước liên tục)**

Bước 1: Đèn đang sáng, thực hiện thao tác [Tắt và Mở] nguồn điện 3 lần liên tục.

Bước 2: Tắt nguồn điện, sau đó Mở lại nguồn điện chờ đèn sáng 10 giây.

Bước 3: Lặp lại bước 2.

Bước 4: Tắt và Mở lại nguồn điện đèn sẽ sáng nhấp nháy màu xanh lá, sau đó sáng vàng thì đèn đã được cài lại mặc định ban đầu.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG REMOTE BLUETOOTH RCL

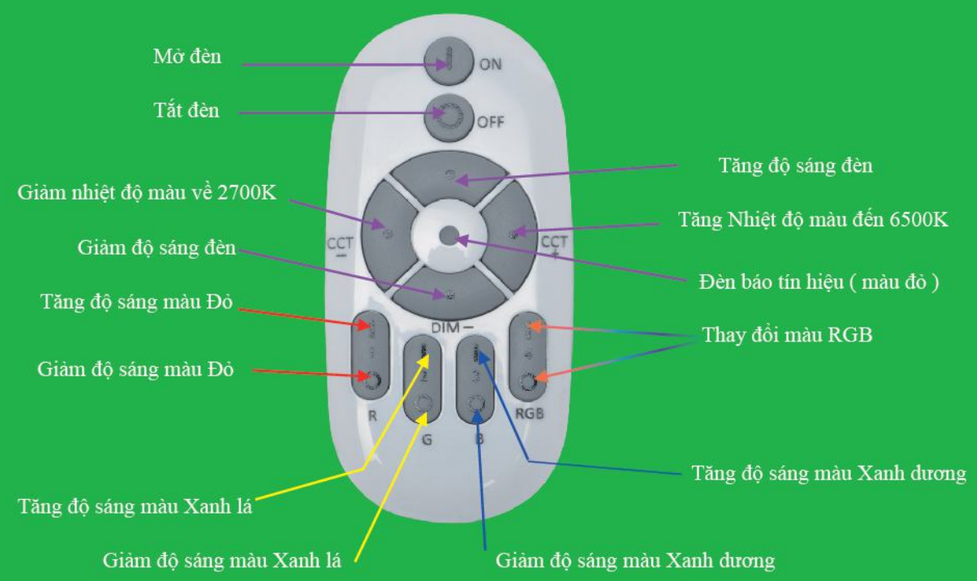

I/ Điều khiển từ xa Bluetooth (Remote) kết nối cùng với APP MPE Smartlighting của đèn thông minh

1/ Remote có thể điều khiển trực tiếp các sản phẩm đèn khi chưa đăng nhập tài khoản APP.

2/ Khi các đèn đã được kết nối vào APP, Remote mặc định không thể điều khiển được đèn.
Muốn Remote mặc định điều khiển các đèn đã kết nối APP, ta làm như sau:

Bước 1/ Nhấn nút B "I" (Tăng độ sáng màu Xanh dương) và nút ON (Mở) cùng 1 lúc khoảng 03 giây. Đèn báo bắt đầu nhấp nháy, Remote đang ở chế độ thiết lập

Bước 2/ Vào H2 trên hướng dẫn APP, bấm "+" để dò tìm tín hiệu Remote, sau khi tìm thấy thì bấm "thêm tất cả" sau đó bấm " Hoàn tất " đèn báo tín hiệu của Remote không còn nhấp nháy nữa. Lúc này, Remote đã điều khiển được các đèn kết nối với APP.

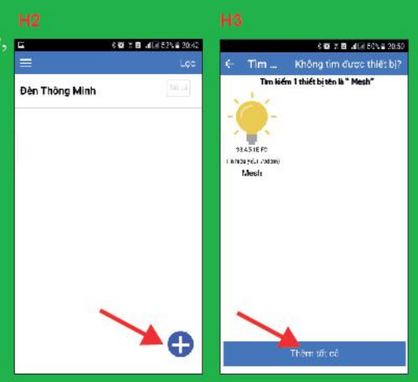

3/ Khi muốn Remote quay lại chế độ cài đặt mặc định ban đầu (không đồng bộ với tài khoản trên APP)

Nhấn nút G "O" (Giảm độ sáng màu xanh lá) và nút ON (Mở) cùng một lúc khoảng 15 giây, Đèn báo sẽ nháy sáng 1 lần, Remote trở lại cài đặt mặc định ban đầu .

II/ Chú ý:

1/ Tháo pin ra khi Remote không sử dụng trong khoảng thời gian dài.
2/ Remote không phản hồi khi nhấn nút điều khiển, xin vui lòng kiểm tra nguồn điện (pin) hoặc thay pin mới.
3/ Cách thiết lập đèn về mặc định ban đầu (Tham khảo phần cuối hướng dẫn sử dụng APP)

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG REMOTE BLUETOOTH RCS

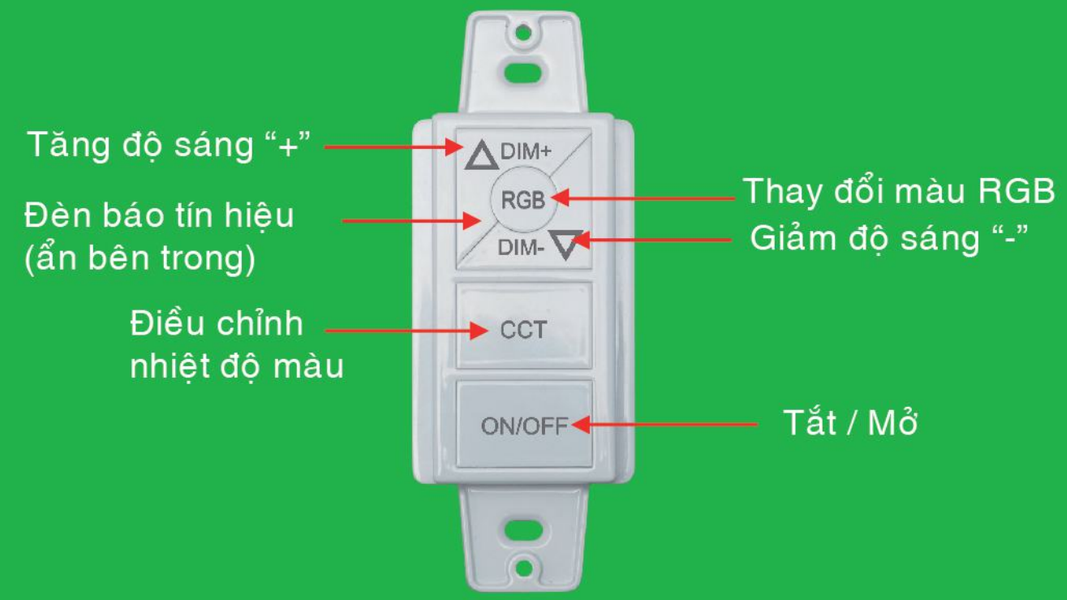

I/ Điều khiển từ xa Bluetooth (Remote) kết nối cùng với APP MPE Smartlighting của đèn thông minh

1/ Remote có thể điều khiển trực tiếp các sản phẩm khi chưa đăng nhập tài khoản APP.

2/ Khi các đèn đã được kết nối vào APP, Remote mặc định không thể điều khiển được đèn.
Muốn Remote mặc định điều khiển các đèn đã kết nối APP, ta làm như sau:

Bước 1/ Nhấn nút ON/OFF và nút CCT cùng 1 lúc khoảng 03 giây. Đèn báo bắt đầu nhấp nháy, Remote đang ở chế độ thiết lập

Bước 2/ Vào H2 trên hướng dẫn APP, bấm "+" để dò tìm tín hiệu Remote, sau khi tìm thấy thì Bấm "thêm tất cả" sau đó bấm " Hoàn tất " đèn báo tín hiệu của Remote không còn nhấp nháy nữa. Lúc này, Remote đã điều khiển được các đèn kết nối với APP.

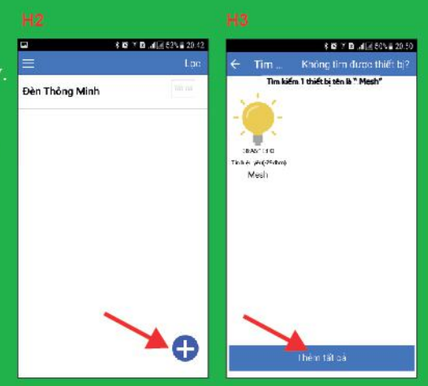

3/ Khi muốn Remote quay lại chế độ cài đặt mặc định ban đầu (không đồng bộ với tài khoản trên APP)

Nhấn nút ON/OFF khoảng 15 giây. Đèn báo sẽ nháy sáng 1 lần, Remote trở lại cài đặt mặc định ban đầu

II/ Chú ý:

1/ Tháo pin ra khi Remote không sử dụng trong khoảng thời gian dài.
2/ Remote không phản hồi khi nhấn nút điều khiển, xin vui lòng kiểm tra nguồn điện (pin) hoặc thay pin mới
3/ Cách thiết lập đèn về mặc định ban đầu (Tham khảo phần cuối hướng dẫn sử dụng APP)

** Mọi thắc mắc xin vui lòng liên hệ: P. Kỹ thuật 0938 277 746 (Mr Hòa) - 0902 251 026 (Mr Lý)*

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG REMOTE RF (RC-RF)

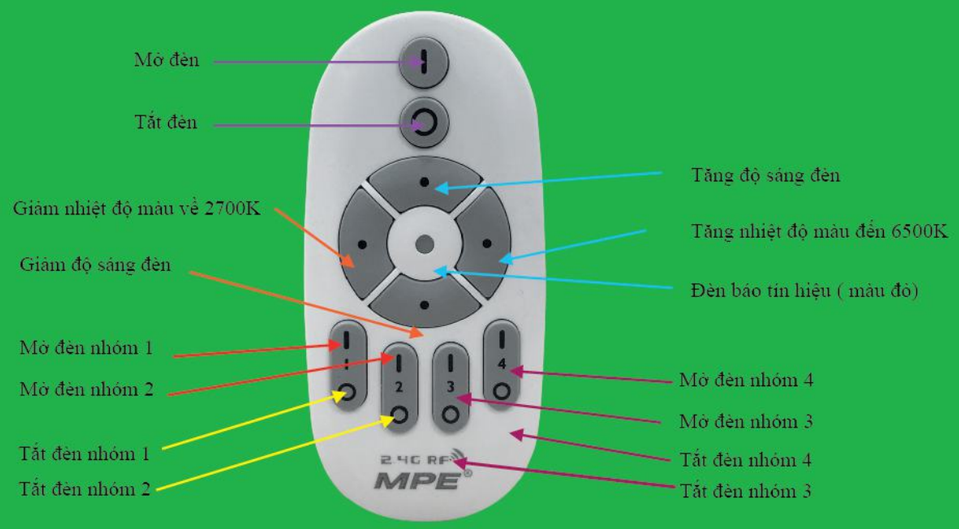

1/ Cách kết nối Remote với đèn:
- Tắt và mở lại nguồn điện của đèn (Nếu đèn đang tắt thì chỉ cần mở nguồn điện).
- Sau đó nhấn giữ bất kỳ nút mở "I" nào (1 trong 4 nút nhóm) trong vòng 3 giây để kết nối remote. việc kết nối thành công khi đèn nhấp nháy và chuyển sang ánh sáng vàng (Lưu ý: mỗi 1 đèn chỉ có thể kết nối với 1 nhóm của Remote. 1 đèn chỉ có thể nhận tín hiệu tối đa của 4 Remote cùng một thời điểm)."
- Một Remote điều khiển tối đa 100 đèn trong phạm vi kết nối 25 mét.

2/ Cách ngắt kết nối đèn với Remote:
- Tắt và mở lại nguồn điện của đèn (Nếu đèn đang tắt thì chỉ cần mở nguồn điện).
- Sau đó nhấn liên tục 6 lần nút mở "I" của nhóm cần xóa kết nối với Remote trong vòng 5 giây. việc ngắt kết nối thành công khi ánh sáng nhấp nháy và chuyển sang màu vàng.
(để ngắt kết nối cả 4 nhóm đèn. ta làm các bước tương tự nhưng bấm 6 lần nút mở đèn "I")

3/ Chức năng đèn ban đêm:
Nhấn giữ lâu nút tắt "O" của nhóm đã được kết nối khoảng 2 giây. đèn của nhóm đó sẽ chuyển sang chế độ ban đêm (trung tính mờ)
.Nhấn giữ lâu nút tắt "O" khoảng 2 giây. tất cả đèn sẽ chuyển sang chế độ ban đêm (trung tính mờ)

4/ Thay đổi Nhiệt độ màu và điều chỉnh độ sáng:
- Điều khiển Nhóm: Nhấn nút mở "I" của nhóm đã được kết nối. ta có thể điều khiển riêng Nhiệt độ màu - Độ sáng của nhóm bằng cách Bấm vào 4 phím điều chỉnh (tăng/ giảm nhiệt độ màu. độ sáng).
- Điều khiển Tất cả: Nhấn nút mở "I" . ta có thể điều khiển Nhiệt độ màu. Độ sáng của tất cả các nhóm bằng cách Bấm vào 4 phím điều chỉnh (tăng/ giảm nhiệt độ màu. độ sáng)."

5/ Chế độ thay đổi màu nhanh:
- Nhấn nhanh nút mở "I" 2 lần của nhóm đã được kết nối để thay đổi nhanh ánh sáng Trắng - Vàng - Trung Tính.(tương tự cho cả 4 nhóm là nút mở đèn "I")

Đèn Bulb LED Bluetooth

Mobile control | Remote control | 16 Million Color | Dimmer | Music control | Đui đèn E27 | CE | RoHS compliant | Điện áp 220VAC | RA >80 | PF >0.5 | 230°

Đèn Bulb LED Smart Bluetooth

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Điều khiển Control	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	LB-9/SM	850 lm	2700 - 6500 K/RGB	App, Bluetooth remote control	60x118 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	417.000
	LB-13/SM	1200 lm	2700 - 6500 K/RGB	App, Bluetooth remote control	95x135 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	515.000

Đèn filament thông minh Smart LED filament

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Điều khiển Control	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	FLM6/SM	600 lm	2700 - 6500 K/RGB	App, Bluetooth remote control	60x110 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	345.000

Remote Control

	Mã hàng Model	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	RCS	265.000

	Mã hàng Model	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	RCL	265.000

Gateway

	Mã hàng Model	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	GT01-W/BL	670.000

Mobile control | Remote control | 16 Million Color | Dimmer | Music control | CCT 2700-6500 K/RGB | CE | RoHS compliant | Điện áp 220VAC | RA >80 | PF >0.5

Đèn LED panel tròn âm smart bluetooth

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Điều khiển Control	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
6W	RPL-6/SM	420 lm	App, Bluetooth remote control	Ø120x13 mm	Ø105x105 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	720.000
12W	RPL-12/SM	800 lm	App, Bluetooth remote control	Ø170x13 mm	Ø155x155 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	849.000
18W	RPL-18/SM	1100 lm	App, Bluetooth remote control	Ø225x13 mm	Ø210x210 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	998.000

Đèn LED panel tròn nổi smart bluetooth

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Điều khiển Control	Kích thước Size	Nhiệt độ màu	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
18W	SRPL-18/SM	1100 lm	App, Bluetooth remote control	Ø225x38 mm	2700-6500k RGB	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	1.077.000
24W	SRPL-24/SM	1500 lm	App, Bluetooth remote control	Ø300x38 mm	2700-6500k RGB	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	1.399.000

MPE HAPPY SMART

Một cho tất cả

16 Million Color | Dimmable | Music control | CCT 2700K-6500K, RGB

Cổ điển | Hiện đại | Thiên thần | Bay bổng | Lãng mạn

CEILING SMART

Đặc tính sản phẩm

- Thiết kế hiện đại, tiện cho việc lắp đặt ở tường hay trần nhà
- Phân bổ ánh sáng đều
- Nhiều màu viền thích hợp cho việc trang trí: Trắng, bạc, đỏ đậm, crôm, vàng

Available on the App Store

GET IT ON Google play

Mobile control | Remote control | 16 Million Color | Dimmer | Music control | Tuổi thọ 30.000Hour | CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | RA >80 | Chip LED SMD 2835

Đèn Ceiling Smart Bluetooth

Mã hàng Model	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
CL20/SM	1W - 20W	2000 Lm	2700-6500 K/RGB	∅ 300x85 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	999.000
CL30/SM	1W - 30W	3000 Lm	2700-6500 K/RGB	∅ 350x85 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	1.335.000

Ceiling LED border - Viền đèn LED ốp trần ceiling

MPE

Viền Đèn

Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
BD30-W Màu trắng (White) 20W	179.000
BD35-W Màu trắng (White) 30W	212.000
BD30-S Màu xám bạc (Silver) 20W	179.000
BD35-S Màu xám bạc (Silver) 30W	212.000
BD30-C Màu crôm (Crom) 20W	179.000
BD35-C Màu crôm (Crom) 30W	212.000

Viền Đèn

Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
BD30-R Màu đỏ (Red) 20W	179.000
BD35-R Màu đỏ (Red) 30W	212.000
BD30-G Màu vàng (Gold) 20W	179.000
BD35-G Màu vàng (Gold) 30W	212.000

Mobile control | Remote control | 16 Million Color | Dimmer | Music control | 230° | CE | RoHS compliant | Điện áp 220VAC | RA >80

Đèn LED Big Panel Smart Bluetooth

Mã hàng Model	Hệ số công suất	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Điều khiển Control	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
FPL-3030/SM	>0.9	1700 Lm	2700-6500 K/RGB	App Bluetooth remote control	296x296 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 4 cái/thùng 4 pcs/carton	1.855.000
FPL-6060/SC	>0.9	3000 Lm	2700-6500 K/RGB	App Bluetooth remote control	596x596 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 4 cái/thùng 4 pcs/carton	2.954.000
FPL-12030/SC	>0.9	3000 Lm	2700-6500 K/RGB	App Bluetooth remote control	1196x296 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 3 cái/thùng 3 pcs/carton	3.665.000

Phụ kiện Gắn Treo Panel LED Tấm

Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
PKL-60	87.300
PKL-120	174.000

Phụ Kiện Gắn Nổi Panel LED Tấm

Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SMPL-3030	262.000
SMPL-6030	325.000
SMPL-6060	420.000
SMPL-12030	450.000

Happy Smart Bluetooth

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
BHS1 Đèn Happy Smart - 1W-9W - Nhiệt độ màu 2700k-6500k-RGB	1.945.000

Đèn Dây LED Strip Smart Bluetooth

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
LS/SM Đèn LED day Smart - 10W/ 5m - Nhiệt độ màu: RGB	908.000

Đèn Bàn LED 3 Che Độ

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
TL1S Đèn LED nàm 3 chế độ sáng - 2.2W/5V-500mA - Nhiệt độ màu 3000-4000-6000k	738.000
TL1G Đèn LED nàm 3 chế độ sáng - 2.2W/5V-500mA - Nhiệt độ màu 3000-4000-6000k	738.000

Đèn Bàn LED Bmart

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
TL2 Đèn bàn cảm ứng 6W nhiệt độ màu 2800,4000,6000k màu trắng	564.000
TL3 Đèn bàn cảm ứng 4W nhiệt độ màu 2800, 4000, 6500k màu trắng xanh, trắng hồng	389.000

Đèn LED panel tròn dimmable + 3CCT (RemoteRF)

Remote control | CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

Panel tròn dimmable + 3CCT (RF)	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	RPL-6/3C-RC	500 Lm	2800 - 6500K	Ø120x25 mm	Ø105 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 60 cái/thùng 60 pcs/carton	425.000
	RPL-6S/3C-RC	500 Lm	2800 - 6500K	Ø110x25 mm	Ø 90 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 60 cái/thùng 60 pcs/carton	425.000
	RPL9/3C-RC	750 Lm	2800k-6500k	Ø150x25 mm	Ø130 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	472.000
	RPL12/3C-RC	950 Lm	2800k-6500k	Ø170x25 mm	Ø150 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	513.000
	RPL15/3C-RC	1300 Lm	2800k-6500k	Ø190x25 mm	Ø180 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 30 cái/thùng 30 pcs/carton	590.000
	RPL18/3C-RC	1500 Lm	2800k-6500k	Ø225x25 mm	Ø205 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	630.000
	RPL24/3C-RC	1800 Lm	2800k-6500k	Ø300x25 mm	Ø280 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	850.000

Đèn LED panel dimmable + 3CCT (RemoteRF)

Remote control | CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

Big panel LED dimmable + 3CCT (RF)	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	FPL-3030/3C-RC	1800 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	300x300x10 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	1.080.000
	FPL-6030/3C-RC	2250 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	600x300x10 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	1.398.000
	FPL-6060/3C-RC	3600 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	600x600x10 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	1.808.000
	FPL-12030/3C-RC	3600 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	1200x300x10 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	1.856.000

Phụ kiện gắn treo panel	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
	PKL - 60	87.300
	PKL - 120	174.000

Phụ kiện gắn nổi panel	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
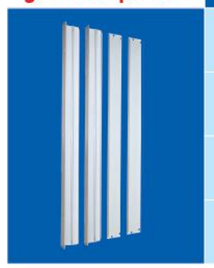	SMPL-3030	262.000
	SMPL-6030	325.000
	SMPL-6060	420.000
	SMPL-12030	450.000

LED tube nhôm T8 dimmable + 3CCT	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	LT8-60/3C-RC	950 lm	2800k-6500k	160°	A - 588 B - 603 C - ø26	1 cái/hộp 1 pc/box 25 cái/thùng 25 pcs/carton	612.000
	LT8-120/3C-RC	1850 lm	2800k-6500k	160°	A - 1197 B - 1213 C - ø26	1 cái/hộp 1 pc/box 25 cái/thùng 25 pcs/carton	712.000

Remote RF	Mã hàng Model	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
	RC-RF	180.000

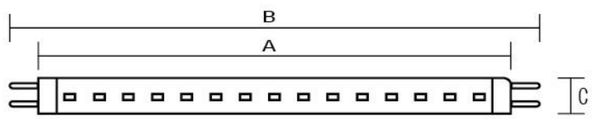

GET IT ON Google Play

Available on the App Store

GENERAL PRODUCT

LED Bulb

LED Mini panel

LED Big Panel

LED Spot Light

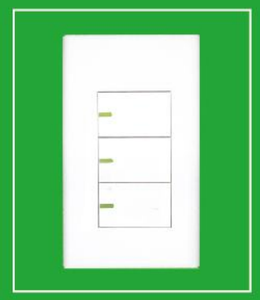

Công tắc & ổ cắm

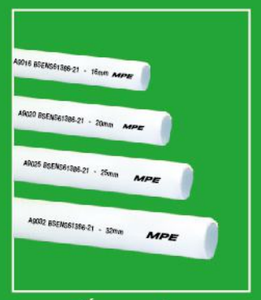

Ống luồn

MCB

Tủ điện

Ổ cắm & phích cắm CN

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-265VAC | Tuổi thọ 30.000 Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

Bulb LBD

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đui đèn	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	LBD-3T LBD-3V	270 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	45X82 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	32.800
	LBD-5T LBD-5V	450 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	55X94 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	39.900
	LBD-7T LBD-7V	700 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	60X112 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	49.000
	LBD-9T LBD-9V	900 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	60x118 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	58.000
	LBD-12T LBD-12V	1200 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	70x137 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 80 cái/thùng 80 pcs/carton	70.900
	LBD-15T LBD-15V	1500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	75x148 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 80 cái/thùng 80 pcs/carton	93.600

LED bulb

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-265VAC | Tuổi thọ 30.000 Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

Bulb LBD

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đui đèn	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	LBD-20T LBD-20V	2000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	80X152 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	110.000
	LBD-30T LBD-30V	3000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	100X180 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	164.000
	LBD-40T LBD-40V	4000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	118X216 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 12 cái/thùng 12 pcs/carton	232.000
	LBD-50T LBD-50V	5000 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	138X245 mm	E27	1 cái/hộp 1 pc/box 8 cái/thùng 8 pcs/carton	337.000

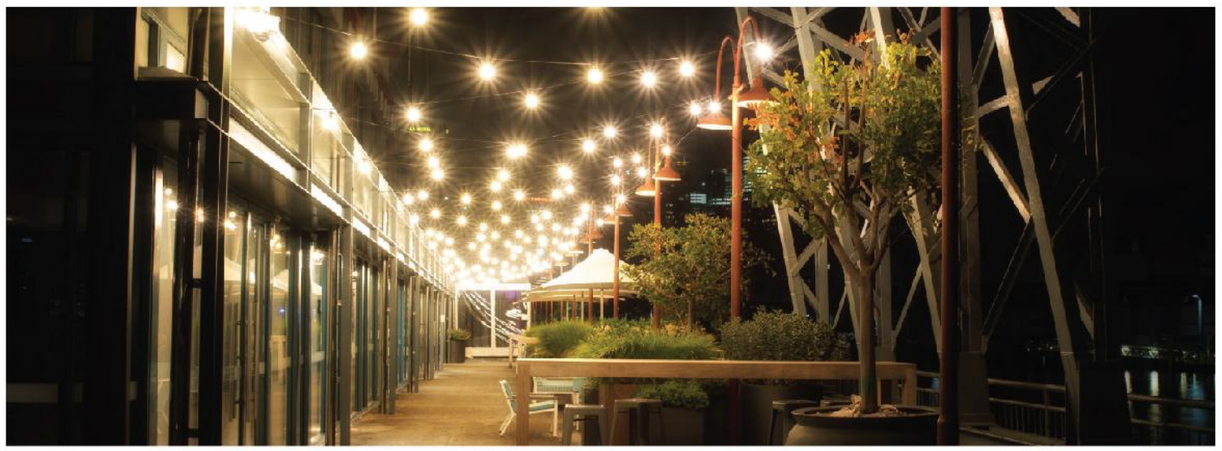

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Đui đèn E27 | Instant Light 100% 0s | CCT 2800-3200K 6000-6500K

LED Bulb

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
3W	LBL-3T LBL-3V	300 Lm	160°	Ø 50x95 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	32.800
5W	LBS-5T LBS-5V	450 Lm	230°	Ø 50x95 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	39.900
5W	LBL-5T LBL-5V	500 Lm	230°	Ø60x103 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	39.900
7W	LBL-7T LBL-7V	700 Lm	230°	Ø60x110 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	49.000
9W	LBL-9T LBL-9V	1000 Lm	230°	Ø67x128 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 80 cái/thùng 80 pcs/carton	58.000
9W	LB-9T LB-9V	950 Lm	230°	Ø60X118 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100cái/thùng 100 pcs/carton	98.800
9W	LBS-9T LBS-9V	850 Lm	230°	Ø65X120 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	58.000
7W	LBA-7T LBA-7V	650 Lm	230°	Ø60X112 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	90.000
9W	LBA-9T LBA-9V	820 Lm	230°	Ø60X112 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	93.000
12W	LB-12T LB-12V	1300 Lm	230°	Ø70X153 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 50 cái/thùng 50 pcs/carton	96.000
15W	LBA-12T LBA-12V	1250 Lm	230°	Ø65X125 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	96.000
15W	LBA-15T LBA-15V	1450 Lm	230°	Ø65X125 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	108.800

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s | 270° | No Mercury | Recyclable

LED Bulb

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Đui đèn	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
20W	LB-20T LB-20N LB-20V	1800 Lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	E27	Ø 80X150mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	137.500
30W	LB-30T LB-30N LB-30V	2700 Lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	E27	Ø100X185 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	193.000
40W	LB-40T LB-40N LB-40V	3600 Lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	E27	Ø 118X210mm	1 cái/hộp 1 pc/box 12 cái/thùng 12 pcs/carton	293.000
50W	LB-50T	4500 Lm	6000 - 6500k	E40	Ø135X238 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 8 cái/thùng 8 pcs/carton	461.000
New 60W	LBA-60T	6000 Lm	6000 - 6500k	E40	Ø136X272 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 8 cái/thùng 8 pcs/carton	798.000
New 80W	LBA-80T	8000 Lm	6000 - 6500k	E40	Ø136X272 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 8 cái/thùng 8 pcs/carton	912.000
60W	LB-60T	5400 Lm	6000 - 6500k	E27/ E40	Ø150X280 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 9 cái/thùng 9 pcs/carton	819.000
80W	LB-80T	7200 Lm	6000 - 6500k	E27/ E40	Ø150X280 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 9 cái/thùng 9 pcs/carton	1.040.000
100W	LB-100T	10.000 Lm	6000 - 6500k	E27/ E40	Ø150X330 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 9 cái/thùng 9 pcs/carton	1.550.000

Chóa Đèn Headlight

Mã hàng Model	Đơn giá Unit price (VNĐ)
RFL-20	72.000
RFL-30	89.000
RFL-40	120.000
RFL-50	144.000
RFL-60	144.000

Chóa Đèn Headlight

Mã hàng Model	Đơn giá Unit price (VNĐ)
RFL-SMD	250.000

Đui Đèn Light Holder

Mã hàng Model	Đơn giá Unit price (VNĐ)
E27-40	8.000
E40-27	38.000

Kích thước chóa đèn 120°

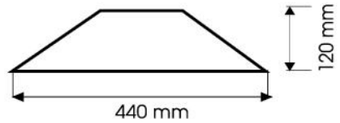

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Đui đèn E27 | Instant Light 100% 0s

LED Bulb 3 Chế Độ

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
LB9/3C	850 Lm	230°	Ø60X108 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	121.000

LED Bulb Sử Dụng Dimmer

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
LB-9T/DIM LB-9V/DIM	806 Lm	230°	Ø60X120 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 50 cái/thùng 50 pcs/carton	108.000
LB-9T/3DIM	806 Lm	230°	Ø60X110 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 50 cái/thùng 50 pcs/carton	83.000

LED Bulb Chống Muỗi

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
LB-9/AM	806 Lm	230°	Ø60x120 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 50 cái/thùng 50 pcs/carton	151.000

LED Bulb Cảm Biến Chuyển Động

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
LB-9/MS	850 Lm	230°	Ø60X116 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 50 cái/thùng 50 pcs/carton	252.000

LED Bulb Emergency

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
LB10T/E	1000 Lm	230°	Ø68X145 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	230.000
LB12T/E	1200 Lm	230°	Ø78X158 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	250.000

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Đui đèn E27 | Instant Light 100% 0s

LED Bulb Màu

Mã hàng Model	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
LBD-3R	màu đỏ	Ø 45x70 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	32.800
LBD-30R	màu cam	Ø 45x70 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	32.800
LBD-3PK	màu hồng	Ø 45x70 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	32.800
LBD-3YL	màu vàng	Ø 45x70 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	32.800
LBD-3BL	màu xanh dương	Ø 45x70 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	32.800
LBD-3GR	màu xanh lá	Ø 45x70 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	32.800
LBD-3MK	màu trắng sữa	Ø 45x70 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	32.800

LED Bulb

CE | RoHS compliant | Điện áp 220-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Instant Light 100% 0s | RA >80 | PF >0.5

LED Filament

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Đui đèn	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
FLM-2/B35	250 Lm	2700K	E14	Ø 35x98 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	59.000
FLM-2/P45	250 Lm	2700K	E27	Ø 45x80 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	65.000
FLM-4/A60	470 Lm	2700K	E27	Ø60x105 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 50 cái/thùng 50 pcs/carton	80.000
FLM-6/A60	806 Lm	2700K	E27	Ø60x105 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 50 cái/thùng 50 pcs/carton	104.000
FLM-4/G95	470 Lm	2700K	E27	Ø95x138 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	135.000
FLM-6/G95	806 Lm	2700K	E27	Ø95x138 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	150.000
FLM-4/ST64	470 Lm	2700K	E27	Ø64x145 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 50 cái/thùng 50 pcs/carton	135.000
FLM-6/ST64	806 Lm	2700K	E27	Ø64x145 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 50 cái/thùng 50 pcs/carton	150.000

MPE® LED LIGHTING

LED PANEL TRÒN

High Quality chip LED

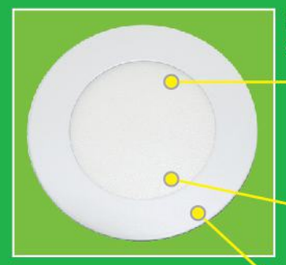

Bề mặt sử dụng tấm tán xạ ánh sáng đồng đều, không chói mắt

Tấm dẫn ánh sáng bằng nhựa PMMA - Mitsubishi, cho ánh sáng phân bổ đồng đều

Viền đèn làm bằng hợp kim nhôm chống oxy hóa, chống rung, chống ăn mòn, tản nhiệt nhanh

Đảm bảo ánh sáng luôn ổn định, độ bền cao

Sử dụng LED chip cao cấp, có tuổi thọ và hiệu suất sáng cao.

Kết nối Driver với đèn dễ dàng an toàn khi sử dụng

Tấm ốp mặt sau bo góc không cho ánh sáng phát ra bên ngoài, chống bụi, tạo thẩm mỹ cao.

Đặc tính sản phẩm

- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Châu Âu
- Thiết kế mỏng, nhỏ gọn, dễ dàng lắp đặt
- Không hồng ngoại & tia cực tím.
- Không nhấp nháy, khởi động tức thì
- Ánh sáng liên tục tốt cho thị lực
- Hiệu suất cao, tiết kiệm điện năng
- Thân thiện môi trường

Hướng dẫn lắp đặt

1. Tạo lỗ khoét kích thước theo quy định.
2. Kết nối Driver với nguồn điện.
3. Cụp 2 thanh chán nối lò xo lên trên, đưa đèn lên lỗ khoét.
4. Đẩy đèn vào khi bề mặt đèn chạm bề mặt trần nhà.

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

Panel tròn	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
6W	RPL-6T RPL-6N RPL-6V	500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø120x25 mm	Ø105 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 60 cái/thùng 60 pcs/carton	154.000
6W	RPL-6ST RPL-6SN RPL-6SV	500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø110x25 mm	Ø 90 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 60 cái/thùng 60 pcs/carton	154.000
9W	RPL-9T RPL-9N RPL-9V	750 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø150x25 mm	Ø130 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	200.000
12W	RPL-12T RPL-12N RPL-12V	950 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø170x25 mm	Ø150 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	245.000
15W	RPL-15T RPL-15N RPL-15V	1300 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø190x25 mm	Ø180 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 30 cái/thùng 30 pcs/carton	330.000
18W	RPL-18T RPL-18N RPL-18V	1500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø225x25 mm	Ø205 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	390.000
24W	RPL-24T RPL-24N RPL-24V	1800 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø300x25 mm	Ø280 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	500.000

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

Panel tròn 3 màu	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
3 màu 6W	RPL-6/3C	500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø120x25 mm	Ø105 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 60 cái/thùng 60 pcs/carton	214.000
3 màu 6W	RPL-6S/3C	500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø110x25 mm	Ø 90 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 60 cái/thùng 60 pcs/carton	214.000
3 màu 9W	RPL-9/3C	750 Lm	6500K 4000K 3000K	Ø150x25 mm	Ø130 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	260.000
3 màu 12W	RPL-12/3C	950 Lm	6500K 4000K 3000K	Ø170x25 mm	Ø150 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	323.000
3 màu 15W	RPL-15/3C	1300 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø190x25 mm	Ø180 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 30 cái/thùng 30 pcs/carton	431.000
3 màu 18W	RPL-18/3C	1500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø225x25 mm	Ø205 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	513.000
3 màu 24W	RPL-24/3C	1800 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø300x25 mm	Ø280 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	715.000

Đèn LED âm trần

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

LED panel vuông âm trần	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
6W	SPL-6T SPL-6V	500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	120x120x25 mm	105x105 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 60 cái/thùng 60 pcs/carton	159.000
9W	SPL-9T SPL-9V	750 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	150x150x25 mm	130x130 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	206.000
12W	SPL-12T SPL-12V	950 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	170x170x25 mm	150x150 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	253.000
15W	SPL-15T SPL-15V	1300 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	190x190x25 mm	180x180 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 30 cái/thùng 30 pcs/carton	337.000
18W	SPL-18T SPL-18V	1500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	225x225x25 mm	205x205 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	400.000
24W	SPL-24T SPL-24V	1800 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	300x300x25 mm	275x275 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	521.000

Đèn LED ốp trần

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s | CCT 2800-3200K 6000-6500K

LED panel tròn nổi	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
6W	SRPL-6T SRPL-6V	500 Lm	Ø 120x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	229.000
12W	SRPL-12T SRPL-12V	950 Lm	Ø 170x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 30 cái/thùng 30 pcs/carton	325.000
18W	SRPL-18T SRPL-18V	1500 Lm	Ø 217x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	440.000
24W	SRPL-24T SRPL-24V	1800 Lm	Ø 300x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	585.000

LED panel vuông nổi	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
6W	SSPL-6T SSPL-6V	500 Lm	120x120x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	243.000
12W	SSPL-12T SSPL-12V	950 Lm	170x170x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 30 cái/thùng 30 pcs/carton	342.000
18W	SSPL-18T SSPL-18V	1500 Lm	217x217x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	467.000
24W	SSPL-24T SSPL-24V	1800 Lm	300x300x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	614.000

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

LED Panel Tròn Âm Dimmable

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
6W	RPL-6T/DIM RPL-6N/DIM RPL-6V/DIM	500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø120x25 mm	Ø105 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 60 cái/thùng 60 pcs/carton	338.300
6W	RPL-6ST/DIM RPL-6SN/DIM RPL-6SV/DIM	500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø110x25 mm	Ø 90 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 60 cái/thùng 60 pcs/carton	338.300
9W	RPL-9T/DIM RPL-9N/DIM RPL-9V/DIM	750 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø150x25 mm	Ø130 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	391.000
12W	RPL-12T/DIM RPL-12N/DIM RPL-12V/DIM	950 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø170x25 mm	Ø150 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	432.000
15W	RPL-15T/DIM RPL-15N/DIM RPL-15V/DIM	1300 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø190x25 mm	Ø180 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 30 cái/thùng 30 pcs/carton	478.700
18W	RPL-18T/DIM RPL-18N/DIM RPL-18V/DIM	1500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø225x25 mm	Ø205 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	551.900
24W	RPL-24T/DIM RPL-24N/DIM RPL-24V/DIM	1800 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø300x25 mm	Ø280 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	695.900

Dimmer LED

	Mã hàng Model	Đơn giá Price
	AV200-LED	550.000

	Mã hàng Model	Đơn giá Price
	A6V200-LED	550.000

	Mã hàng Model	Đơn giá Price
	ASV200-LED	720.000

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

LED Panel Vuông Âm Dimmable

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
6W	SPL-6T/DIM SPL-6V/DIM	500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	120x120x25 mm	105x105 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 60 cái/thùng 60 pcs/carton	350.000
9W	SPL-9T/DIM SPL-9V/DIM	750 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	150x150x25 mm	130x130 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	404.000
12W	SPL-12T/DIM SPL-12V/DIM	950 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	170x170x25 mm	150x150 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	444.000
15W	SPL-15T/DIM SPL-15V/DIM	1300 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	190x190x25 mm	180x180 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 30 cái/thùng 30 pcs/carton	492.000
18W	SPL-18T/DIM SPL-18V/DIM	1500 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	225x225x25 mm	205x205 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	588.000
24W	SPL-24T/DIM SPL-24V/DIM	1800 Lm	6000 - 6500K 2800 - 3200K	300x300x25 mm	275x275 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	714.000

Đèn LED ốp trần

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s | CCT 2800-3200K 6000-6500K

LED Panel Tròn Nổi Dimmable

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
6W	SRPL-6T/DIM SRPL-6V/DIM	500 Lm	Ø120x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	373.000
12W	SRPL-12T/DIM SRPL-12V/DIM	950 Lm	Ø170x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 30 cái/thùng 30 pcs/carton	498.000
18W	SRPL-18T/DIM SRPL-18V/DIM	1500 Lm	Ø217x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	648.000
24W	SRPL-24T/DIM SRPL-24V/DIM	1800 Lm	Ø300x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	814.500

LED Panel Vuông Nổi Dimmable

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
6W	SSPL-6T/DIM SSPL-6V/DIM	500 Lm	120x120x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	390.000
12W	SSPL-12T/DIM SSPL-12V/DIM	950 Lm	170x170x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 30 cái/thùng 30 pcs/carton	522.000
18W	SSPL-18T/DIM SSPL-18V/DIM	1500 Lm	217x217x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	678.000
24W	SSPL-24T/DIM SSPL-24V/DIM	1800 Lm	300x300x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	855.000

LED cảm biến chuyển động

CE | RoHS compliant 100-240VAC | Điện áp | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5

LED Panel Tròn Âm Motion Sensor

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
12W	RPL-12T/MS	950 Lm	6000 - 6500K	Ø170x25 mm	Ø150 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	538.000
18W	RPL-18T/MS	1500 Lm	6000 - 6500K	Ø225x25 mm	Ø205 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	650.000

LED Panel Tròn Nổi Motion Sensor

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
12W	SRPL-12T/MS	950 Lm	6000 - 6500K	Ø170x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 30 cái/thùng 30 pcs/carton	596.000
18W	SRPL-18T/MS	1500 Lm	6000 - 6500K	Ø217x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	727.000
24W	SRPL-24T/MS	1800 Lm	6000 - 6500K	Ø300x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	880.000

LED Panel Vuông Nổi Motion Sensor

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
12W	SSPL-12T/MS	950 Lm	6000 - 6500K	170x170x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 30 cái/thùng 30 pcs/carton	629.000
18W	SSPL-18T/MS	1500 Lm	6000 - 6500K	217x217x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	791.500
24W	SSPL-24T/MS	1800 Lm	6000 - 6500K	300x300x35 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	954.000

- Có thể lắp nổi hoặc lắp âm.
- 3 chế độ màu trắng, vàng, trung tính.
- Siêu mỏng, độ dày chỉ 15mm.
- Có 5 viền màu thích hợp.
- Tản nhiệt nhôm bên trong.
- Vừa vặn với tất cả cỡ khoét trần do có cấu trúc lò xo di chuyển
- Dễ lắp đặt và tháo rời.
- Khoét lỗ tròn hoặc lỗ vuông đều lắp đặt được.

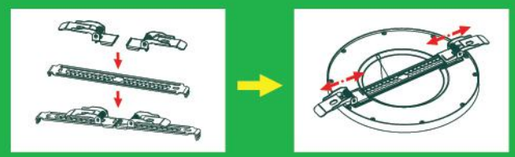

Viền Màu LED Multi Panel

Viền màu trắng

Viền màu đỏ sẫm

Viền màu bạc

Viền màu vàng đồng

Viền màu đen

LED Multi Panel

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

LED Multi Panel	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	MRPL-6/3C	470 Lm	6000K 4000K 3000K	Ø140x15 mm	Ø 55-100 mm □55x55 mm □85x85 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 60 cái/thùng 60 pcs/carton	279.000
	MRPL-12/3C	1060 Lm	6000K 4000K 3000K	Ø165x15 mm	Ø 55-125 mm □55x55 mm □100x100 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	369.000
	MRPL-18/3C	1650 Lm	6000K 4000K 3000K	Ø217x15 mm	Ø 55-175 mm □55x55 mm □140x140 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	520.000
	MRPL-24/3C	2500 Lm	6000K 4000K 3000K	Ø290x15 mm	Ø 60-250 mm □60x60 mm □190x190 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	737.000

LED - Multi Panel Border

MPE

Viền LED Multi Panel	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price	Viền LED Multi Panel	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
	BD-6/RG: Màu đỏ sẫm BD-6/SL: Màu bạc BD-6/BR: Màu vàng đồng BD-6/NL: Màu nicken BD-6/BL: Màu đen	80.000		BD-18/RG: Màu đỏ sẫm BD-18/SL: Màu bạc BD-18/BR: Màu vàng đồng BD-18/NL: Màu nicken BD-18/BL: Màu đen	124.000
	BD-12/RG: Màu đỏ sẫm BD-12/SL: Màu bạc BD-12/BR: Màu vàng đồng BD-12/NL: Màu nicken BD-12/BL: Màu đen	99.000		BD-24/RG: Màu đỏ sẫm BD-24/SL: Màu bạc BD-24/BR: Màu vàng đồng BD-24/NL: Màu nicken BD-24/BL: Màu đen	178.000

LED SLIM PANEL

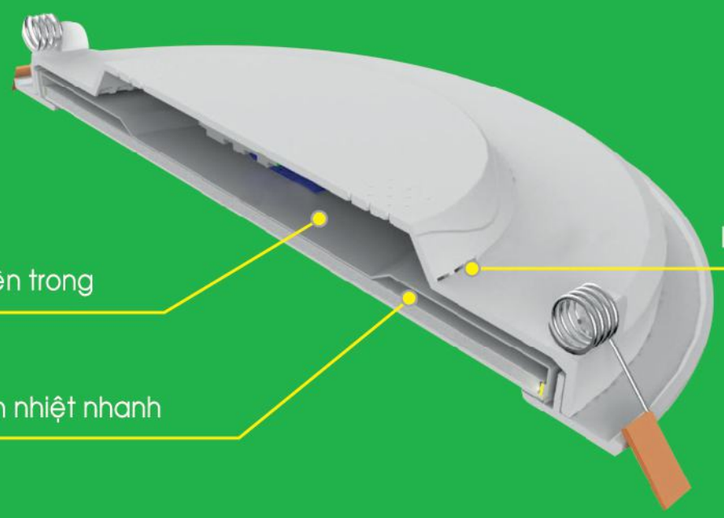

*** Thiết kế nhỏ, gọn, lắp đặt nhanh**
*** Tích hợp Driver bên trong, tiết kiệm không gian lắp đặt**

Đặc tính sản phẩm

- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Châu Âu.
- Thiết kế mỏng, nhỏ gọn.
- Driver tích hợp bên trong đèn.
- Khởi động tức thì, ánh sáng liên tục không nhấp nháy.
- Không hồng ngoại & tia cực tím.
- Không chói mắt, tốt cho thị lực.
- Hiệu suất cao, tiêu thụ điện năng ít.
- Thân thiện với môi trường.

Hướng dẫn lắp đặt

1. Tạo lỗ khoét kích thước theo hướng dẫn.
2. Cụp 2 thanh chắn nối lò xo lên trên, đưa đèn lên lỗ khoét.
3. Đẩy đèn vào khi bề mặt đèn chạm bề mặt trần nhà.

LED Panel âm trần

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

LED Slim Panel	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
6W	RP-6T RP-6N RP-6V	500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø120x25 mm	Ø105 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 60 cái/thùng 60 pcs/carton	**132.000**
9W	RP-9T RP-9N RP-9V	750 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø150x25 mm	Ø130 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 60 cái/thùng 60 pcs/carton	**171.000**
12W	RP-12T RP-12N RP-12V	950 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø170x25 mm	Ø150 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	**210.000**
18W	RP-18T RP-18N RP-18V	1500 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø 225x25 mm	Ø 205 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	**334.000**
24W	RP-24T RP-24N RP-24V	1800 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø 300x25 mm	Ø 275 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	**428.000**

LED ốp trần ceiling

CE | RoHS compliant | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80

LED ốp trần	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Điện áp Voltage	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
16W	CL-16T CL-16N CL-16V	1200 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø 300x85 mm	100 - 240V	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	329.000
22W	CL-22T CL-22N CL-22V	1800 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø 350x85 mm	100 - 240V	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	483.000

LED ốp trần 3 chế độ	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Điện áp Voltage	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
New 16W	CL-16/3C	1200 Lm	6500K 4000K 3000K	Ø 300x85 mm	100 - 240V	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	365.000
New 22W	CL-22/3C	1800 Lm	6500K 4000K 3000K	Ø 350x85 mm	100 - 240V	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	550.000

Ceiling LED Border

MPE

Viền Đèn	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
	BD30-W Màu trắng (White) 16W	179.000
	BD35-W Màu trắng (White) 22W	212.000
	BD30-S Màu xám bạc (Silver) 16W	179.000
	BD35-S Màu xám bạc (Silver) 22W	212.000
	BD30-C Màu crôm (Crom) 16W	179.000
	BD35-C Màu crôm (Crom) 22W	212.000

Viền Đèn	Diễn giải Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
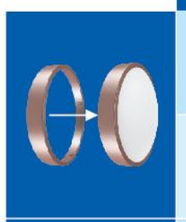	BD30-R Màu đỏ (Red) 16W	179.000
	BD35-R Màu đỏ (Red) 22W	212.000
	BD30-G Màu vàng (Gold) 16W	179.000
	BD35-G Màu vàng (Gold) 22W	212.000

LED PANEL

High Quality chip LED

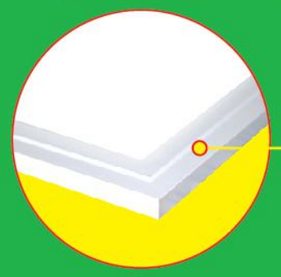

Viền đèn làm bằng hợp kim nhôm sơn tĩnh điện, chống oxy hóa, chống rung, chống ăn mòn, tản nhiệt nhanh.

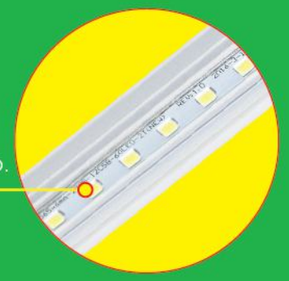

Sử dụng LED chip LED cao cấp, có tuổi thọ và hiệu suất ánh sáng cao.

Ánh sáng ổn định, độ bền cao.

Domino kết nối dễ dàng, an toàn với nguồn điện.

Kết nối Driver với đèn dễ dàng an toàn khi sử dụng.

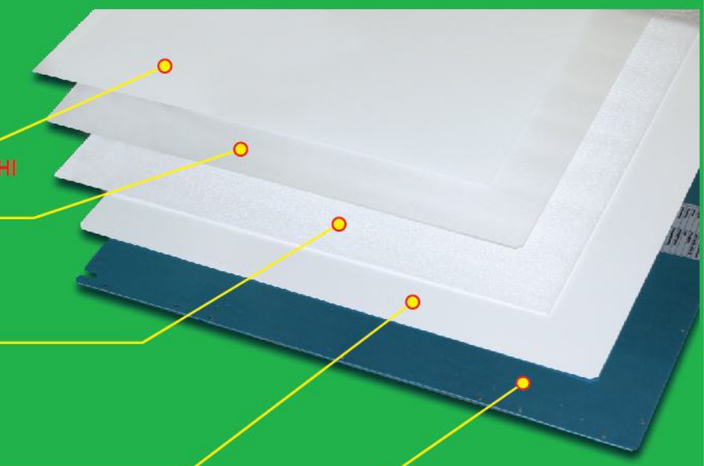

Tấm chống chói mắt (LDP).

Tấm dẫn ánh sáng bằng nhựa PMMA - MITSUBISHI cho ánh sáng phân bổ đồng đều.

Tấm cản ánh sáng ngược lại (LRP).

Tấm lót bảo vệ.

Tấm ốp lưng cạnh bo góc ngăn không để ánh sáng phát ra ngoài, độ thẩm mỹ cao.

CE | RoHS | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | 120° | Instant Light 100% 0s

Big panel

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
20W	FPL-3030T FPL-3030N FPL-3030V	1800 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	300x300x10 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	559.000
25W	FPL-6030T FPL-6030N FPL-6030V	2250 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	600x300x10 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	759.000
40W	FPL-6060T FPL-6060N FPL-6060V	3600 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	600x600x10 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	980.000
40W	FPL-12030T FPL-12030N FPL-12030V	3600 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	1200x300x10 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	1.150.000
New 60W	FPL-12060T FPL-12060N FPL-12060V	5400 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	1200x600x10 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	2.965.000

Big panel dimmable

	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
20W	FPL-3030T/DIM FPL-3030N/DIM FPL-3030V/DIM	1800 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	300x300x10 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 10 cái/thùng 10 pcs/carton	900.000
25W	FPL-6030T/DIM FPL-6030N/DIM FPL-6030V/DIM	2250 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	600x300x10 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	1.128.000
40W	FPL-6060T/DIM FPL-6060N/DIM FPL-6060V/DIM	3600 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	600x600x10 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	1.620.000
40W	FPL-12030T/DIM FPL-12030N/DIM FPL-12030V/DIM	3600 lm	6000 - 6500k 4000 - 4500k 2800 - 3200k	1200x300x10 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	1.763.000

Phụ kiện gắn treo

Mã hàng Model	Đơn giá Unit price (VNĐ)
PKL-60	87.300
PKL-120	174.000

Phụ kiện kẹp 60x60, 120x30

Mã hàng Model	Đơn giá Unit price (VNĐ)
CKPL-60	122.500
CKPL-120	169.500

Phụ kiện gắn nổi

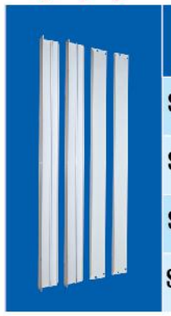

Mã hàng Model	Đơn giá Unit price (VNĐ)
SMPL-3030	262.000
SMPL-6030	325.000
SMPL-6060	420.000
SMPL-12030	450.000

MPE® LED LIGHTING

LED TUBE NHÔM T8

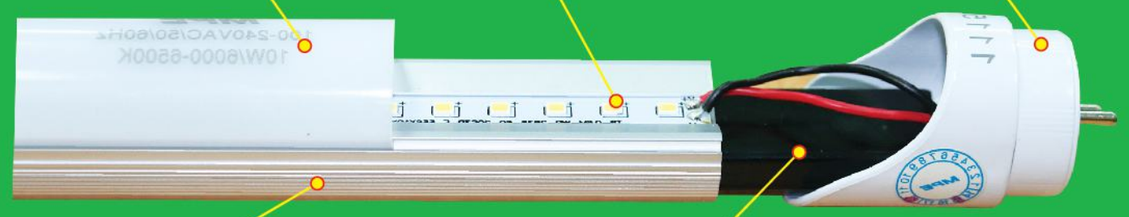

1. Cách nối dây tăng phô cơ từ huỳnh quang sang LED

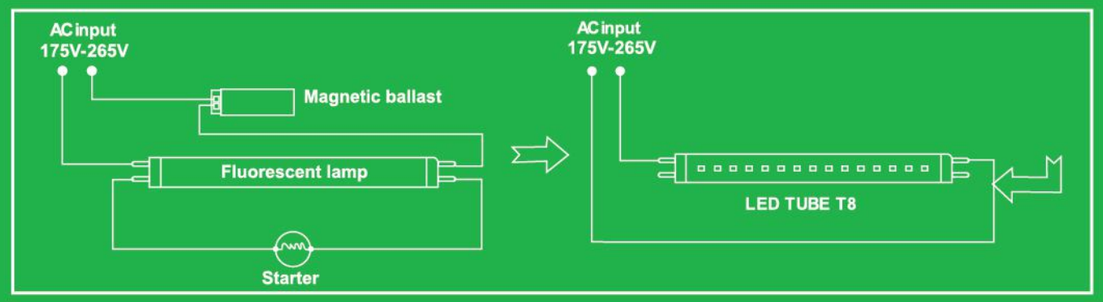

1. Cách nối dây tăng điện tử từ huỳnh quang sang LED

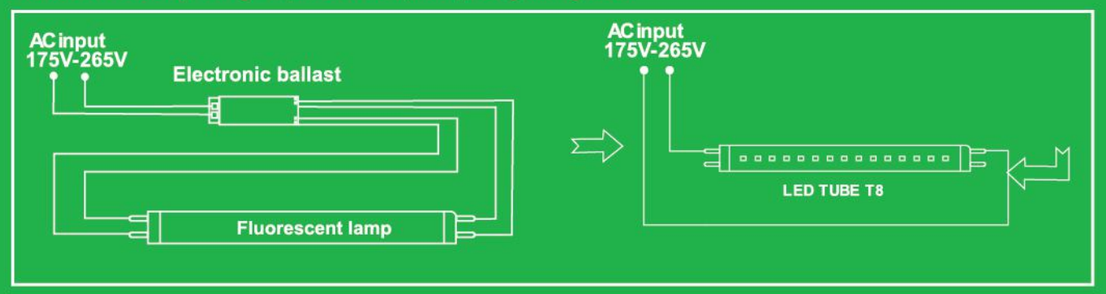

Đèn LED tube ALU

CE | RoHS | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

LED tube ALU	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
10W	LT8-60T LT8-60V	950 lm	6000 - 6500k 2800 - 3200k	160°	A - 588 B - 603 C -ø26	1 cái/hộp 1 pc/box 25 cái/thùng 25 pcs/carton	185.000
20W	LT8-120T LT8-120V	1850 lm	6000 - 6500k 2800 - 3200k	160°	A - 1197 B - 1213 C - ø 26	1 cái/hộp 1 pc/box 25 cái/thùng 25 pcs/carton	220.000

Kích thước:

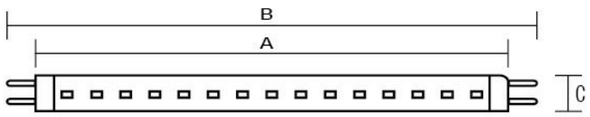

Máng đèn batten LED tube T8	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	EMDK-110 Máng đèn Batten LED Tube 1x10W, 0.6m	48.000
	EMDK-120 Máng đèn Batten LED Tube 1x20W, 1.2m	56.000

Máng đèn batten LED tube T8	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	EMDK-210 Máng đèn Batten LED Tube 2x10W, 0.6m	62.000
	EMDK-220 Máng đèn Batten LED Tube 2x20W, 1.2m	72.000

Đèn LED tube ALU (bao gồm bóng)	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	MLT-110T Bộ máng Batten LED Tube 1x10W, 0,6m Ánh sáng trắng	233.000
	MLT-110V Bộ máng Batten LED Tube 1x10W, 0,6m Ánh sáng vàng	233.000
	MLT-210T Bộ máng Batten LED Tube 2x20W, 0,6m Ánh sáng trắng	432.000
	MLT-210V Bộ máng Batten LED Tube 2x20W, 0,6m Ánh sáng vàng	432.000

Đèn LED tube ALU (bao gồm bóng)	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	MLT-120T Bộ máng Batten LED Tube 1x20W, 1,2m Ánh sáng trắng	276.000
	MLT-120V Bộ máng Batten LED Tube 1x20W, 1,2m Ánh sáng vàng	276.000
	MLT-220T Bộ máng Batten LED Tube 2x20W, 1,2m Ánh sáng trắng	512.000
	MLT-220V Bộ máng Batten LED Tube 2x20W, 1.2m Ánh sáng vàng	512.000

Đèn LED tube Nano+PC

CE | RoHS | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

LED tube Nano+PC	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Góc chiếu Angle	Kích thước Size (mm)	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
9W	NT8-60T NT8-60V	950 lm	6000 - 6500k 2800 - 3200k	270°	600 x 26	1 cái/hộp 1 pc/box 25 cái/thùng 25 pcs/carton	112.000
18W	NT8-120T NT8-120V	1850 lm	6000 - 6500k 2800 - 3200k	270°	1200 x 26	1 cái/hộp 1 pc/box 25 cái/thùng 25 pcs/carton	142.000

Đèn LED tube T8 Nano+PC (bao gồm bóng)	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	MNT-110T Bộ máng Batten LED Tube Nano 1x9W 0.6m, ánh sáng trắng	160.000
	MNT110V Bộ máng Batten LED Tube Nano 1x9W 0.6m, ánh sáng vàng	160.000
	MNT-120T Bộ máng Batten LED Tube Nano 1x18W, 1.2m, ánh sáng trắng	198.000
	MNT-120V Bộ máng Batten LED Tube Nano 1x18W, 1.2m, ánh sáng vàng	198.000

Đèn LED tube T8 Nano+PC (bao gồm bóng)	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	MNT-210T Bộ máng Batten LED Tube Nano 2x9W 0.6m, ánh sáng trắng	286.000
	MNT-210V Bộ máng Batten LED Tube Nano 2x9W 0.6m, ánh sáng vàng	286.000
	MNT-220T Bộ máng Batten LED Tube Nano 2x18W 1.2m, ánh sáng trắng	356.000
	MNT-220V Bộ máng Batten LED Tube Nano 2x18W 1.2m, ánh sáng vàng	356.000

LED tube thủy tinh	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	GT8-60T LED Tube thủy tinh 0.6m, 1x9w Ánh sáng trắng	71.300
	GT8-60V LED Tube thủy tinh 0.6m, 1x9w Ánh sáng vàng	71.300

LED tube thủy tinh	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	GT8-120T LED Tube thủy tinh 1.2m, 1x18w Ánh sáng trắng	88.400
	GT8-120V LED Tube thủy tinh 1.2m, 1x18w Ánh sáng vàng	88.400

LED tube thủy tinh

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

Bộ LED tube thủy tinh	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	MGT-110T Bộ LED tube thủy tinh đơn 0.6m, 1x9W Ánh sáng trắng	**119.300**
	MGT-110V Bộ LED tube thủy tinh đơn 0.6m, 1x9W Ánh sáng vàng	**119.300**
	MGT-120T Bộ LED tube thủy tinh đơn 1.2m, 1x18W Ánh sáng trắng	**139.600**
	MGT-120V Bộ LED tube thủy tinh đơn 1.2m, 1x18W Ánh sáng vàng	**139.600**

Bộ LED tube thủy tinh	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
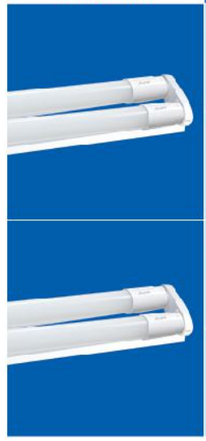	**MGT-210T** Bộ LED tube thủy tinh đôi 0.6m, 2x9W Ánh sáng trắng	**204.600**
	MGT-210V Bộ LED tube thủy tinh đôi 0.6m, 2x9W Ánh sáng vàng	**204.600**
	MGT-220T Bộ LED tube thủy tinh đôi 1.2m, 2x18W Ánh sáng trắng	**248.800**
	MGT-220V Bộ LED tube thủy tinh đôi 1.2m, 2x18W Ánh sáng vàng	**248.800**

LED tube T8 cảm biến chuyển động motion sensor	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	LT8-60T/MS	950 lm	6000 - 6500k	160°	A - 588 B - 603 C -ø26	1 cái/hộp 1 pc/box 25 cái/thùng 25 pcs/carton	**392.000**
	LT8-120T/MS	1850 lm	6000 - 6500k	160°	A - 1197 B - 1213 C - ø 26	1 cái/hộp 1 pc/box 25 cái/thùng 25 pcs/carton	**502.000**

Bộ máng đèn batten LED tube siêu mỏng	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	BT8-60T Bộ máng đèn Batten LED tube siêu mỏng (bóng liền) 0,6m ánh sáng trắng	**194.000**
	BT8-60V Bộ máng đèn Batten LED tube siêu mỏng (bóng liền) 0,6m ánh sáng vàng	**194.000**

Bộ máng đèn batten LED tube siêu mỏng	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	BT8-120T Bộ máng đèn Batten LED tube siêu mỏng (bóng liền) 1.2m ánh sáng trắng	**251.000**
	BT8-120V Bộ máng đèn Batten LED tube siêu mỏng (bóng liền) 1.2m ánh sáng vàng	**251.000**

LED bán nguyệt

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

LED bán nguyệt 0.6m	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	BN-18T LED bán nguyệt 0.6m 18W, ánh sáng trắng	**270.000**
	BN-18V LED bán nguyệt 0.6m 18W, ánh sáng vàng	**270.000**

LED bán nguyệt 1.2m	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	BN-36T LED bán nguyệt 1.2m 36W, ánh sáng trắng	**440.000**
	BN-36V LED bán nguyệt 1.2m 36W, ánh sáng Vàng	**440.000**

Bộ LED chống nổ 0.6m	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
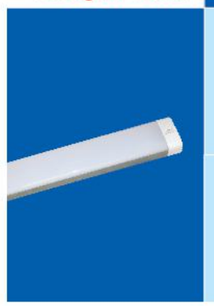	**LE-60T** Bộ LED chống nổ 20W, 0.6m ánh sáng trắng	**2.982.000**
	LE-60V Bộ LED chống nổ 20W, 0.6m ánh sáng vàng	**2.982.000**

Bộ LED chống nổ 1.2m	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	LE-120T Bộ LED chống nổ 40W, 1.2m ánh sáng trắng	**4.554.000**
	LE-120V Bộ LED chống nổ 40W, 1.2m ánh sáng vàng	**4.554.000**

Bộ bóng nhôm	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	LWP-118T Bộ máng chống thấm sử dụng LED Tube 1x10W Ánh sáng trắng	**547.000**
	LWP-118V Bộ máng chống thấm sử dụng LED Tube 1x10W Ánh sáng vàng	**547.000**
	LWP-136T Bộ máng chống thấm sử dụng LED TUbe 1x20W Ánh sáng trắng	**774.000**
	LWP-136V Bộ máng chống thấm sử dụng LED TUbe 1x20W Ánh sáng vàng	**774.000**

Bộ bóng nhôm	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	LWP-218T Bộ máng chống thấm sử dụng LED TUbe 2x10W Ánh sáng trắng	**852.000**
	LWP-218V Bộ máng chống thấm sử dụng LED TUbe 2x10W Ánh sáng vàng	**852.000**
	LWP-236T Bộ máng chống thấm sử dụng LED Tube 2x20W Ánh sáng trắng	**1.170.000**
	LWP-236V Bộ máng chống thấm sử dụng LED Tube 2x20W Ánh sáng vàng	**1.170.000**

Bộ bóng thủy tinh

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

Bộ máng xương cá 2 bóng

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
MATL-210T Bộ máng xương cá LED tube ánh sáng trắng 2 bóng 0.6m	607.500
MATL-210V Bộ máng xương cá LED tube ánh sáng vàng 2 bóng 0.6m	607.500
MATL-220T Bộ máng xương cá LED tube ánh sáng trắng 2 bóng 1.2m	979.800
MATL-210V Bộ máng xương cá LED tube ánh sáng vàng 2 bóng 1.2m	979.800

Bộ máng xương cá 3 bóng

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
MATL-310T Bộ máng xương cá LED tube ánh sáng trắng 3 bóng 0.6m	963.900
MATL-310V Bộ máng xương cá LED tube ánh sáng vàng 3 bóng 0.6m	963.900
MATL-320T Bộ máng xương cá LED tube ánh sáng trắng 3 bóng 1.2m	1.535.200
MATL-320V Bộ máng xương cá LED tube ánh sáng vàng 3 bóng 1.2m	1.535.200

Đèn Downlight âm trần

Thân đèn bằng kim loại, sơn. Điện năng: 220V-50/60Hz. Công suất tối đa: 100W

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
DL - 3 (Ø 3.0) Đèn Downlight âm trần phi 80 Downlight D80	75.000
DL - 3.5 (Ø 3.5) Đèn Downlight âm trần phi 90 Downlight D90	90.000
DL - 4 (Ø4.0) Đèn Downlight âm trần phi 115 Downlight D115	120.000

LED flood light

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.95 | 120° | Instant Light 100% 0s

LED pha

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
	FLD-10RGB Đèn LED pha RGB 10W, remote IR	488.000
	FLD-20RGB Đèn LED pha RGB 20W, remote IR	813.000
	FLD-10T/10V Đèn LED pha 10W	305.700
	FLD-20T/20V Đèn LED pha 20W	523.700
	FLD-30T/30V Đèn LED pha 30W	665.800

LED pha

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
	FLD-50T/50V Đèn LED pha 50W	998.000
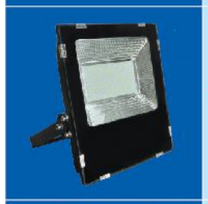	**FLD-80T/80V** Đèn LED pha 80W	2.050.000
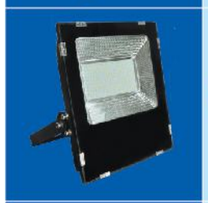	**FLD-100T/100V** Đèn LED pha 100W	2.223.000
	FLD-150T/150V Đèn LED pha 150W	3.226.000
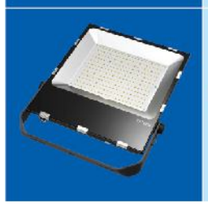	**FLD-200T/200V** Đèn LED pha 200W	5.367.500

Mã hàng Model	Chip LED	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Điện áp Voltage	Kích thước Size
FLD-10RGB	COB	10W	-	220V-50Hz	115 x 135 x 40 mm
FLD-20RGB	COB	20W	-	220V-50Hz	115 x 200 x 50 mm
FLD-10T/10V	SMD	10W	1000 lm	220V-50Hz	137 x 97 x 26 mm
FLD-20T/20V	SMD	20W	2000 lm	220V-50Hz	205 x 145 x 36 mm
FLD-30T/30V	SMD	30W	3000 lm	220V-50Hz	205 x 145 x 36 mm
FLD-50T/50V	SMD	50W	5000 lm	220V-50Hz	274 x 194 x 48 mm
FLD-80T/80V	SMD	80W	8000 lm	220V-50Hz	350 x 295 x 65 mm
FLD-100T/100V	SMD	100W	10000 lm	220V-50Hz	350 x 295 x 65 mm
FLD-150T/150V	SMD	150W	15000 lm	220V-50Hz	395 x 315 x 75 mm
FLD-200T/200V	SMD	200W	20000 lm	220V-50Hz	400 x 350 x 53.5 mm

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.95 | 120° | Instant Light 100% 0s

Seri HBV

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
HBV-80T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 80W ánh sáng trắng	893.500
HBV-100T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 100W ánh sáng trắng	1.326.000
HBV-120T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 120W ánh sáng trắng	1.900.000

Seri HBS

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
HBS-60T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 60W ánh sáng trắng	1.069.000
HBS-80T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 80W ánh sáng trắng	1.290.000
HBS-100T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 100W ánh sáng trắng	1.860.000

Seri HBV

Mã hàng Model	Chip LED	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Điện áp Voltage	Kích thước Size
HBV-80T	SMD	80W	7200 lm	220V-50Hz	190 x 275 mm
HBV-100T	SMD	100W	8100 lm	220V-50Hz	190 x 275 mm
HBV-120T	SMD	120W	10.800 lm	220V-50Hz	230 x 306 mm

Seri HBS

Mã hàng Model	Chip LED	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Điện áp Voltage	Chóa đèn
HBS-60T	SMD	60W	5300Lm	220V-50Hz	120°
HBS-80T	SMD	80W	7200Lm	220V-50Hz	120°
HBS-100T	SMD	100W	10.000Lm	220V-50Hz	120°

Chóa Đèn High Bay

Mã hàng Model	Công suất Watt	Kích thước Size	Đơn giá Unit price (VNĐ)
RFL-80	80W	405x330 mm	**175.000**
RFL-100	100W	405x330 mm	**175.000**
RFL-120	120W	446x360 mm	**237.000**

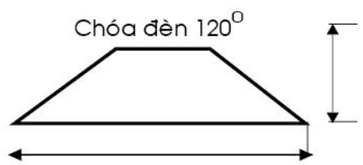

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.95 | 110° | Instant Light 100% 0s

Seri HBU

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
HBU-100T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 100W ánh sáng trắng	4.326.500
HBU-150T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 150W ánh sáng trắng	5.411.000
HBU-200T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 200W ánh sáng trắng	8.263.000
HBU-240T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 240W ánh sáng trắng	9.217.000

Seri HBE

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
HBE-100T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 100W ánh sáng trắng	2.800.000
HBE-150T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 150W ánh sáng trắng	3.232.000
HBE-200T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 200W ánh sáng trắng	5.067.000
HBE-240T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 240W ánh sáng trắng	5.980.000

Seri HBU

Mã hàng Model	Chip LED	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Điện áp Voltage	Kích thước Size
HBU-100T	SMD	100W	12.000 lm	220V-50Hz	280x220
HBU-150T	SMD	150W	18.000 lm	220V-50Hz	340x220
HBU-200T	SMD	200W	24.000 lm	220V-50Hz	400x220
HBU-240T	SMD	240W	28.800 lm	220V-50Hz	400x220

Seri HBE

Mã hàng Model	Chip LED	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Điện áp Voltage	Kích thước Size
HBE-100T	SMD	100W	13.000 lm	220V-50Hz	298x168
HBE-150T	SMD	150W	19.500 lm	220V-50Hz	298x193
HBE-200T	SMD	200W	26.000 lm	220V-50Hz	360x215
HBE-240T	SMD	240W	32.000 lm	220V-50Hz	360x215

LED high bay

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30,000Hour | Chip LED SMD, COB | RA >75 | PF >0.95 | 120° | Instant Light 100% 0s

Seri HBL	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	HBL-100T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 100W ánh sáng trắng	**4.662.500**
	HBL-150T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 150W ánh sáng trắng	**6.914.000**

Seri HBL	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	HBL-200T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 200W ánh sáng trắng	**9.584.500**
	HBL-240T Đèn dùng nhà xưởng High Bay 240W ánh sáng trắng	**11.120.000**

Mã hàng Model	Chip LED	Công suất Watt	Quang thông Lumens	Điện áp Voltage	Chóa đèn
HBL-100T	COB	100W	10.000Lm	220V-50Hz	90°
HBL-150T	COB	150W	15.000Lm	220V-50Hz	120°
HBL-200T	COB	200W	20.000Lm	220V-50Hz	120°
HBL-240T	COB	240W	24.000Lm	220V-50Hz	120°

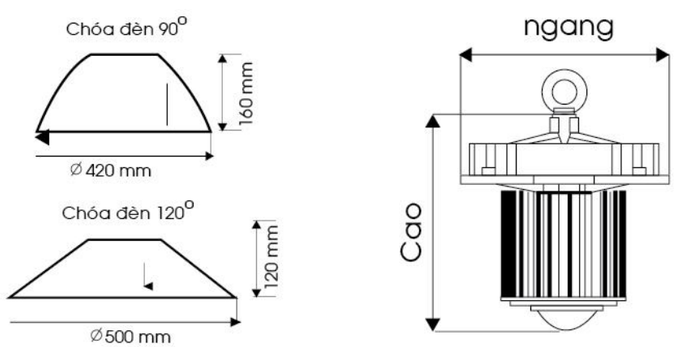

Công suất Watt	Ngang (mm)	Cao
100W	272	**230**
150W	272	**288**
200W	272	**338**
240W	272	**305**

LED exit

LED exit đa năng seri EXM	Mã hàng Model	Điện áp Voltage	Thời gian sạc Charge time	Thời gian sử dụng Emegency duration	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	EX/M **(Đèn báo Exit)**	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	**1.280.000**
	EXR/M **(Một mặt phải)**	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	**1.280.000**
	EXL/M **(Một mặt trái)**	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	**1.280.000**
	EXLR/M **(Một mặt trái & phải)**	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	**1.280.000**
	EX2/M **(Hai mặt trái)**	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	**1.320.000**
	EX2LR/M **(Hai mặt trái & phải)**	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	**1.320.000**

Phụ Kiện Exit Đa Năng

PKEX **40.000**	PKEXR **40.000**	PKEXL **40.000**	PKEXLR **40.000**

LED Exit Seri EX	Mã hàng Model	Điện áp Voltage	Thời gian sạc Charge time	Thời gian sử dụng Emegency duration	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	EX **(Đèn báo Exit)**	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	**1.280.000**
	EXR **(Một mặt phải)**	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	**1.280.000**
	EXL **(Một mặt trái)**	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	**1.280.000**
	EXLR **(Một mặt trái & phải)**	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	**1.280.000**
	EX2 **(Hai mặt trái)**	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	**1.320.000**
	EX2LR **(Hai mặt trái & phải)**	220V - 50Hz	24 giờ	3 giờ	**1.320.000**

LED emergency

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Instant Light 100% 0s

LED chiếu khẩn cấp

Mã hàng Model	Điện áp Voltage	Thời gian sạc Charge time	Thời gian sử dụng Emegency duration	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
6W	EML	220V - 50Hz	20 giờ	3 giờ	1 cái/hộp 1 pc/box 6 cái/thùng 6 pcs/carton	967.000

LED bulb tích điện

Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
10W	LB10T/E	1000Lm	230º	Ø68x145mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	230.000
12W	LB12T/E	1200Lm	230º	Ø78x158mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	250.000

LED downlight âm trần emergency

Mã hàng Model	Thời gian	Đục lỗ Cut out	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
3W	EM-AT	120 phút	Ø140 mm	Ø160 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	1.073.500

LED downlight âm nổi emergency

Mã hàng Model	Thời gian	Kích thước Size	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
3W	EM-NT	120 phút	215x215x42	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	1.393.000

Bộ nguồn LED tube emergency

Mã hàng Model	Thời gian	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
20W	EM-LT	120 phút	1 cái/hộp 1 pc/box 100 cái/thùng 100 pcs/carton	2.033.000

LED strip

CE | RoHS compliant | Điện áp 220VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Instant Light 100% 0s

LED strip AC

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
New	**LS5050AC (T/V)** LED Strip AC 5050 - Công suất: 8W/1m - Chiều dài: 50m/cuộn - KT: 14 x 7.3 - IP 65	83.000/m
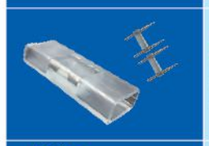	**MC-LS5050AC** Khớp nối giữa LED Strip 5050AC	13.200
New	**LS2835AC (T/V)** LED Strip AC2835 - Công suất: 8W/1m - Chiều dài: 50m/cuộn - KT: 18 x 8 mm - IP 65	105.000/m
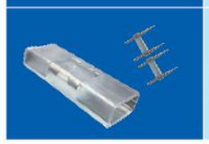	**MC-LS2835AC** Khớp nối giữa LED Strip 2835AC	14.000

Phụ kiện LED strip AC

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
New	**BCL5050-AC** Power cord 5050 - AC - Bộ chỉnh lưu LED dây 5050 - AC	79.000
New	**BCL2835-AC** Power cord 2835-AC - Bộ chỉnh lưu LED dây 2835-AC	79.000
New	**KLSAC - 2835** Kẹp cho dây AC 2835	8.000
New	**KLSAC - 5050** Kẹp cho dây AC 5050	8.000

LED strip DC

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
New	**LS2835DC (T/V)** LED Strip DC2835 - Công suất: 9W/m - chiều dài: 5m/cuộn - Điện áp: 12V - IP 44	113.000/m

Phụ kiện LED strip DC

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
New	**DLS-60** Driver Led Strip DC - Điện áp vào 220V - Điện áp ra: 12V - Công suất 60W - IP 20	435.000

LED neon AC

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
New	**LSN2-RGB** LED Strip Neon - Công suất: 8W/m - Chiều dài: 25m/cuộn - KT: 11x22 mm - IP 65	262.000/m
	MC-LSN2 Khớp nối giữa LED Strip Neon AC	24.700

Phụ kiện LED neon AC

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
New	**CLSN2** Bộ strip led Neon - Điện áp: 220V - Remote: <5m - IP 20	350.000
New	**KLSN2** Kẹp cho LED Strip Neon	16.000

LED dây/ Máng đèn (không bao gồm bóng)

LED dây	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	LSWH LED dây hắt trần màu trắng, 6500K 14,4w/m,12V DC - Chip SMD 50x50 - 60 LED /m - Có phủ keo, IP65	113.000/m
	LSWW LED dây hắt trần màu vàng, 2800K 14,4w/m,12V DC - Chip SMD 50x50 - 60 LED /m - Có phủ keo, IP65	113.000/m

Driver LED dây	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
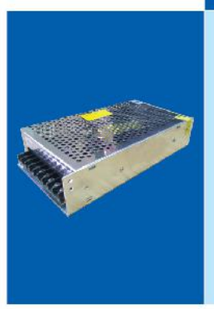	**DLR-75W** Driver LED dây Công suất: 75W Điện áp: 12V	435.000

Máng đèn đơn công nghiệp	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
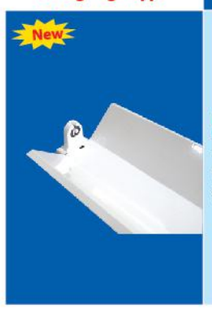	**MCN-120** Máng đèn công nghiệp đơn 1.2m, chóa sơn tĩnh điện	209.000

Máng đèn đôi công nghiệp	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
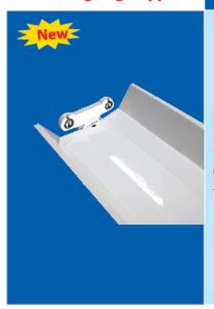	**MCN-220** Máng đèn công nghiệp đôi 1.2m, chóa sơn tĩnh điện	229.000

Máng đèn chống thấm	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	MWP 118 Đèn chống thấm 0,6m đơn	362.000
	MWP 218 Đèn chống thấm 0,6m đôi	482.000
	MWP 136 Đèn chống thấm 1.2m đơn	554.000
	MWP 236 Đèn chống thấm 1,2m đôi	730.000

Máng đèn xương cá	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	MAT 218 Máng đèn xương cá âm trần 2 bóng 0.6m	465.000
	MAT 318 Máng đèn xương cá âm trần 3 bóng 0,6m	750.000
	MAT 236 Máng đèn xương cá âm trần 2 bóng 1,2m	803.000
	MAT336 Máng đèn xương cá âm trần 3 bóng 1,2m	1.270.000

Máng đèn batten/ Phụ kiện (không bao gồm bóng)

Máng đèn batten	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	MBT 118 Máng đèn 1 bóng 0,6m (tăng phô + chuột) **MBT 118/BL** Máng đèn chân màu xanh dương	130.000
	MBT 136 Máng đèn 1 bóng 1,2m (Tăng phô + chuột) **MBT 136/BL** Máng đèn chân màu xanh dương	140.000
	MBT 236 Máng đèn 2 bóng 1,2m **MBT 236/BL** Máng đèn chân màu xanh dương	230.000

Phụ kiện batten	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	MS Con mồi Starer	4.800
	BL-18 Chấn lưu 18W Ballasts 18W	72.000
	BL-36 Chấn lưu 36W Ballasts 36W	72.000

Máng đèn batten điện tử	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	EBT 118 Máng đèn siêu mỏng 0,6m đơn ballast điện tử **EBT 118/BL** máng đèn chân màu xanh dương	118.000
	EBT 136 Máng đèn siêu mỏng 1,2m đơn ballast điện tử **EBT 136/BL** Máng đèn chân màu xanh dương	125.000
	EBT 236 Máng đèn siêu mỏng 1,2m đôi ballast điện tử **EBT 236/BL** Máng đèn chân màu xanh dương	205.000

Phụ kiện batten	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	EBL-18 Ballast điện tử 18W Electronic Ballast 18W	66.000
	EBL-36 Ballast điện tử 36W Electronic Ballast 36W	66.000

LED Track Spot Light

LED Surface Spot Light

LED Surface Downlight

LED Pendant Light

LED Spot Downlight Adjustable

LED Downlight Waterproof - Ip65

LED Downlight Square

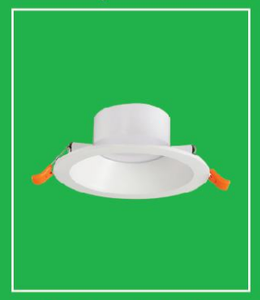
LED Downlight Fixed

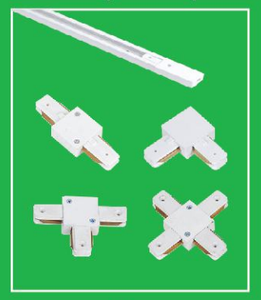
Ray

LED track spot light

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | 36⁰ | Instant Light 100% 0s

Đèn LED Spot Light	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	TSL-8T TSL-8N TSL-8V	800 Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø 50X110 mm	36⁰	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	433.000
	TSL-12T TSL-12N TSL-12V	1200Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø50X100mm	36⁰	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	460.000
	TSL-20T TSL-20N TSL-20V	2000Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø60X105mm	36⁰	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	719.000
	TSL-25T TSL-25N TSL-25V	2500Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø80X125 mm	36⁰	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	965.000
	TLS-30T TSL-30N TSL-30V	3200Lm	6000 - 6500K 4000 - 4500K 2800 - 3200K	Ø 80X125 mm	36⁰	1 cái/hộp 1 pc/box 5 cái/thùng 5 pcs/carton	1.020.000

Phụ Kiện	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	TR2 Thanh Ray 2 dây	142.000
	I Thanh nối I	49.000
	L Thanh nối L	49.000

Phụ Kiện	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	T Thanh nối T	72.000
	X Thanh nối X	84.000

LED surface spot light

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED COB | RA >80 | PF >0.5 | Instant Light 100% 0s

Đèn LED Surface Spot Light	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	SSL-7V	609 Lm	3000k	Ø56.2x97x160 mm	24⁰	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	407.000
	SSL-12V	1044Lm	3000k	Ø56.2x97x160 mm	24⁰	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	467.000
	SSL-20V	1740 Lm	3000k	Ø73.2x130x210 mm	36⁰	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	868.000
	SSL-25V	2175 Lm	3000k	Ø73.2x130x210 mm	36⁰	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	964.000
	SSL-30V	3045 Lm	3000k	Ø89.9x140x220 mm	36⁰	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	1.274.000

LED surface downlight

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED COB | RA >80 | PF >0.5 | 24⁰ | Instant Light 100% 0s

Đèn LED Surface Downlight	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	SDL-12T SDL-12V	1044Lm	6000k 3000k	Ø 80.6x100 mm	24⁰	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	555.000
	SDL-18T SDL-18V	2000Lm	6000k 3000k	Ø 105x135 mm	24⁰	1 cái/hộp 1 pc/box 12 cái/thùng 12 pcs/carton	947.000
	SDL-24T SDL-24V	2600Lm	6000k 3000k	Ø 145.8x170 mm	24⁰	1 cái/hộp 1 pc/box 18 cái/thùng 18 pcs/carton	1.123.000

Đèn LED Pendant Light	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	DPL-7V	490Lm	3000k	Ø 45x300 mm	24⁰	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	596.000
	DPL-12V	950Lm	3000k	Ø 55x300 mm	24⁰	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	737.000
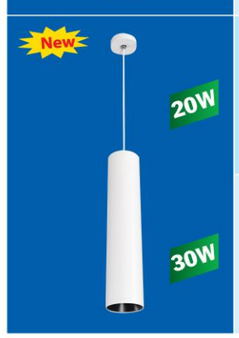	DPL-20V	1500Lm	3000k	Ø 65X300 mm	24⁰	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	1.060.000
	DPL-30V	2400Lm	3000k	Ø 75X300 mm	24⁰	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	1.290.000

LED spot downlight adjustable

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED COB | RA >80 | PF >0.9 | 36° | Instant Light 100% 0s

Đèn LED Downlight Adjustable	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	DLA-12T DLA-12N DLA-12V	1044 Lm	6000K 4000K 3000K	Ø96x75.5 mm	Ø 85 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	618.000
	DLA-20T DLA-20N DLA-20V	1740 Lm	6000K 4000K 3000K	Ø125X100 mm	Ø112 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 40 cái/thùng 40 pcs/carton	1.042.000
	DLA-35T DLA-35N DLA-35V	3045 Lm	6000K 4000K 3000K	Ø164x131 mm	Ø148 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 18 cái/thùng 18 pcs/carton	1.414.000
	DLA-50T DLA-50N DLA-50V	4350 Lm	6000K 4000K 3000K	Ø200 X 170 mm	Ø188 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 8 cái/thùng 8 pcs/carton	2.411.000

LED downlight waterproof - IP65

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED COB | RA >80 | PF >0.5 | 15° | Instant Light 100% 0s

Đèn LED Downlight Waterproof	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	DL65-12V	1200 Lm	3000k	Ø 95x98 mm	Ø 85 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 48 cái/thùng 48 pcs/carton	913.000
	DL65-20V	1800 Lm	3000k	Ø 125x120 mm	Ø115 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 27 cái/thùng 27 pcs/carton	1.370.000
	DL65-30V	3200 Lm	3000k	Ø 150x132 mm	Ø140 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 18 cái/thùng 18 pcs/carton	1.768.000

Đèn LED Downlight Square	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Góc chiếu Angle	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	DLS-120T DLS-120N DLS-120V	1650 Lm	6000k 4000k 3000k	141x141x102 mm	24°	1 cái/hộp 1 pc/box 12 cái/thùng 12 pcs/carton	1.150.000
	DLS-120T DLS-120N DLS-120V	1650*2 Lm	6000k 4000k 3000k	270x141x102 mm	24°	1 cái/hộp 1 pc/box 9 cái/thùng 9 pcs/carton	2.290.000
	DLS-120T DLS-120N DLS-120V	1650*3 Lm	6000k 4000k 3000k	380x141x102 mm	24°	1 cái/hộp 1 pc/box 9 cái/thùng 9 pcs/carton	3.414.000

LED downlight fixed

CE | RoHS compliant | Điện áp 100-240VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED SMD 2835 | RA >80 | PF >0.9 | 60º | Instant Light 100% 0s

Đèn LED downlight fixed	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Kích thước Size	Đục lỗ Cut out	Đóng gói Package	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	DLF-7T DLF-7V	609 Lm	6000k 3000k	68x41 mm	∅ 80 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	350.000
	DLF-12T DLF-12V	1200 Lm	6000k 3000k	133x44 mm	∅ 95 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	426.000
	DLF-20T DLF-20V	1800 Lm	6000k 3000k	148x56 mm	∅125 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	888.000
	DLF-25T DLF-25V	2500 Lm	6000k 3000k	198x68 mm	∅170 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 20 cái/thùng 20 pcs/carton	999.000
	DLF-30T DLF-30V	2800 Lm	6000k 3000k	245x99 mm	∅ 225 mm	1 cái/hộp 1 pc/box 12 cái/thùng 12 pcs/carton	1.250.000

Đèn LED linear spot light

CE | RoHS compliant | Điện áp 175-265VAC | Tuổi thọ 30.000Hour | Chip LED COB | RA >80 | PF >0.5 | 15º | Instant Light 100% 0s

Đèn LED linear spot light	Mã hàng Model	Quang thông Lumens	Nhiệt độ màu CCT	Góc chiếu Angle	Kích thước Size	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	RLS-02	300 Lm	4000K	10º 36º 48º	83x35x75.6 mm	333.000
	RLS-03	450 Lm	4000K	10º 36º 48º	108.5x35x75.6 mm	384.000
	RLS-05	750 Lm	4000K	10º 36º 48º	162x35x75.6 mm	491.000
	RLS-10	1500 Lm	4000K	10º 36º 48º	1000x35x75.6 mm	1.611.000
	RLS-15	2500 Lm	4000K	10º 36º 48º	1500x35x75.6 mm	2.069.000
	RLS-10-2C	1300 Lm	4000K	10º 36º 48º	1000x35x75.6 mm	2.291.000
	RLS-12-3C	1950 Lm	4000K	10º 36º 48º	1200x35x75.6 mm	2.792.000
	RLS-15-4C	2600 Lm	4000K	10º 36º 48º	1500x35x75.6 mm	3.349.000
	RLS-10-F	2700 Lm	4000K	10º 36º 48º	1025x55.5x60 mm	2.722.000
	RLS-12-F	3600 Lm	4000K	10º 36º 48º	1225x35x75.6 mm	3.086.000
	RLS-15-F	4500 Lm	4000K	10º 36º 48º	1525x35x75.6 mm	4.014.000

CHUÔNG CỬA KHÔNG DÂY, KHÔNG PIN

IP55
Waterproof Button

Wireless Range

0–130dB
Volume Range

LED
Indicator

Code: DB2

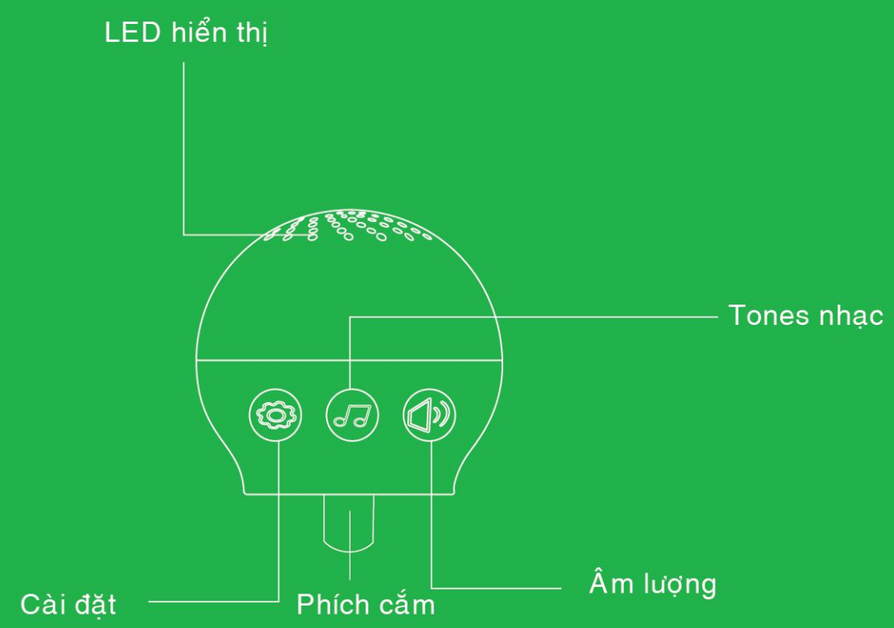

- 4 mức điều chỉnh âm lượng
- 32 tones nhạc tùy chọn
- Chức năng duy trì bộ nhớ cài đặt khi tắt nguồn
- Các tones nhạc có thể thiết lập theo sở thích khác nhau

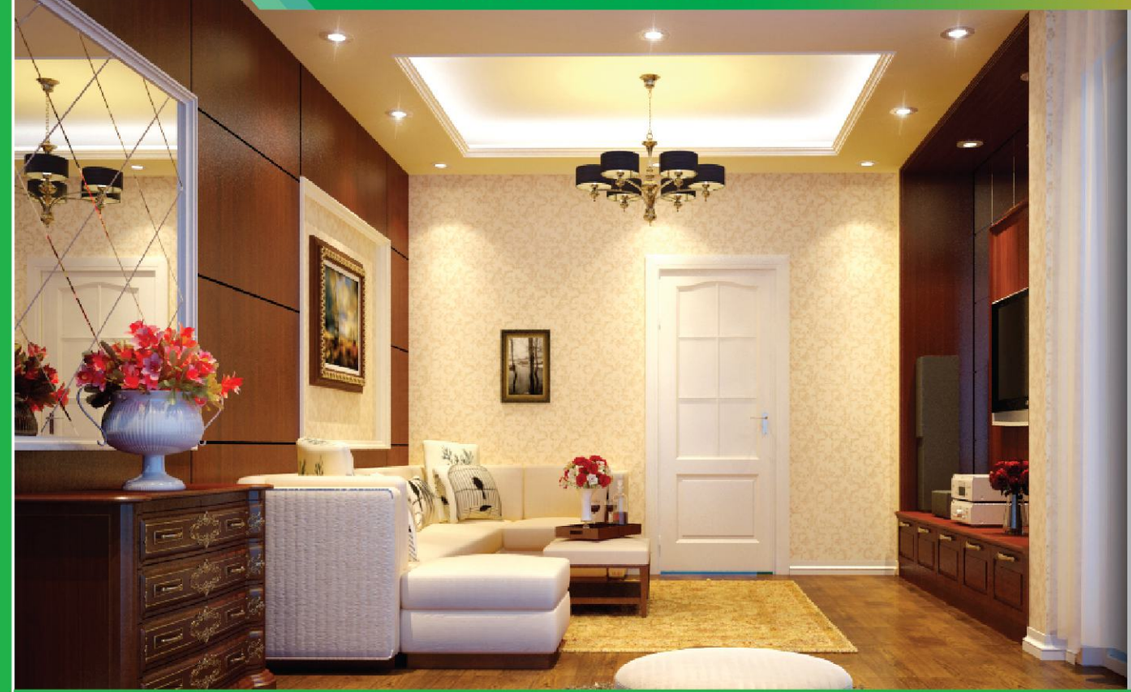

Sê-ri A50

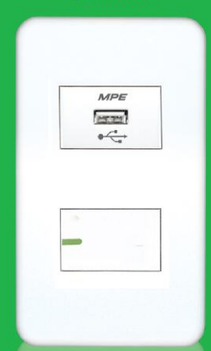

Sê-ri A60

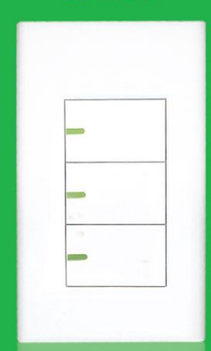

Sê-ri A70

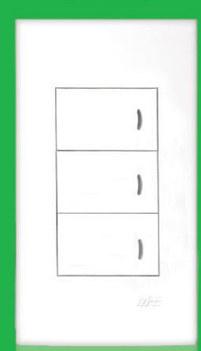

Sê-ri A80

- Sản xuất từ nhựa PC chống cháy
- Có màng che bảo vệ
- Ổ cắm đa năng dùng cho các loại phích cắm
- Module USB sạc được tất cả thiết bị Iphone, Ipad...

Sê-ri A90

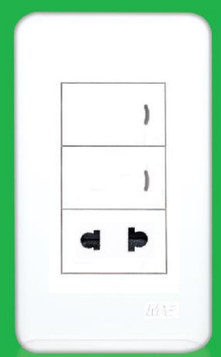

Sê-ri A20-IP

Sê-ri A20 Plus

Sê-ri A30

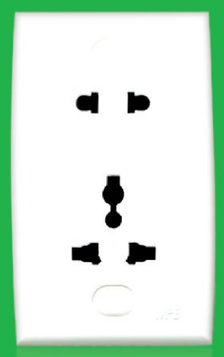

Mặt công tắc & ổ cắm series A20 Plus

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A20US2N Ổ cắm 2 chấu đế liền 16A	43.100
	A20US3N Ổ cắm 3, 2 chấu đế liền 16A	52.000
	A20UES2N Ổ cắm đôi 3 chấu đế liền 16A	54.000
	A20UESM2N Ổ cắm đôi đa năng đế liền 16A	54.000
	A20US2MN Ổ cắm đa năng Ổ cắm đơn 16A	49.000
	A20US2XN Ổ cắm đôi 2 chấu 16A + 1 lỗ	42.000
	A20US2XXN Ổ cắm đôi 2 chấu 16A + 2 lỗ	42.000
	A20USMXN Ổ cắm đơn đa năng 16A + 1 lỗ	36.200
	A20USMXXN Ổ cắm đơn đa năng 16A + 2 lỗ	36.200
	A20USMN Ổ cắm đơn đa năng 16A	36.200

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A201N Mặt 1 lỗ	12.400
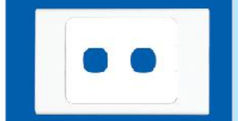	**A202N** Mặt 2 lỗ	12.400
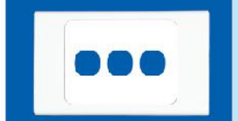	**A203N** Mặt 3 lỗ	12.400
	A204N Mặt 4 lỗ	16.000
	A205N Mặt 5 lỗ	16.000
	A206N Mặt 6 lỗ	16.000
	ASBN Mặt dùng cho cầu dao an toàn	13.700
	AMCB1N Mặt dùng cho MCB 1 cực	12.400
	AMCB2N Mặt dùng cho MCB 2 cực	12.300
	A201VXN Mặt nạ trơn	12.400

Mặt viền series A20

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A20-IP Mặt viền đơn màu trắng kiểu Iphone	6.200
	A20-WND Mặt viền đôi màu trắng	12.000

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A20-WN Mặt viền đơn màu trắng	6.200
	A20-IP Mặt viền đơn màu trắng	6.200

Mặt công tắc & ổ cắm series B20

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	B2US2 Mặt ổ cắm đôi 2 chấu	50.000
	B215S Mặt ổ cắm 3 chấu vuông + 1 công tắc	94.200
	B2DDI Mặt nạ hiển thị "đừng loàm phiền"	510.000
	DB2 Chuông cửa không dây, không pin - 32 âm tùy chọn - 4 mức âm lượng - Tần số: 433Mhz	595.000
	DBP Nút nhấn chuông kích thước	93.000
	DB Chuông điện	152.000
	B2TDS Công tắc cảm ứng có Delay	510.000
	B727 Ổ cắm cạo râu 110/250V vuông 1.200W-220VAC	703.000
	A727 Ổ cắm cạo râu 110/250V thẳng đứng	703.000

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	B201 Mặt đơn	13.500
	B202 Mặt đôi	13.500
	B203 Mặt ba	13.500
	B204 Mặt bốn	19.000
	B2UESM Ổ cắm đa năng + 1 công tắc	47.500
	B2US Mặt ổ cắm đơn 2 chấu	31.000
	B2USX Mặt cắm đơn 2 chấu + 1 lỗ	40.000
	BKT Bộ công tắc dùng thẻ từ 16A có thời gian chậm	357.000

Thiết bị rời dùng chung A20, B20

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A30/1 Công tắc 1 chiều 10A	10.200
	A30M Công tắc 2 chiều 10A	17.800
	A30MD20 Công tắc 2 cực 20A	62.000
	A30RJ88 Ổ cắm mạng Lan 8 dây	62.200
	A30RJ64 Ổ cắm điện thoại 4 dây	43.000
	A30TV75 Ổ cắm tivi loại 75 Ohm	39.000
	A30NGN Đèn báo xanh	13.800
	A30NRD Đèn báo đỏ	13.800
	ASV200-LED Dimmer LED Điện áp: 220VAC Công suất: 200W	720.000
	AV200-LED Dimmer LED Điện áp: 220VAC Công suất: 200W	550.000

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A30P Nắp che trơn	3.500
	A30MBP Nút nhấn chuông 3A	22.500
	AV600 Bộ điều tốc độ quạt 600VA-220VAC	89.000
	AV800 Bộ điều chỉnh độ sáng đèn 800W-220VAC	89.000
	AV1200 Bộ điều chỉnh độ sáng đèn 1.200W-220VAC	110.000
	A30USB Ổ cắm sạc USB DC 5V-1000mA	97.000
	AKT Chìa khóa dùng cho A20KT	38.000
	A20KTN Công tắc 2 cực 20A dùng chìa khóa	202.000
	AVH Nắp che ốc hình Oval Oval Screw Cap	700

Mặt công tắc & ổ cắm series A50, A60, S60

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
A501 Mặt đơn	13.300
A502 Mặt đôi	13.300
A503 Mặt ba	13.300
A50456 Mặt bốn,năm, sáu	24.000
A50SB Mặt dùng cho cầu dao an toàn	15.200
A50MCB1 Mặt dùng cho MCB 1 cực	15.200
A50MCB2 Mặt dùng cho MCB 2 cực	15.200

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
New **S601** Mặt vuông đơn	15.500
New **S602** Mặt vuông đôi	15.500
New **S603** Mặt vuông ba	15.500
A601 Mặt đơn	13.300
A602 Mặt đôi	13.300
A603 Mặt ba	13.300
A60456 Mặt bốn, năm, sáu	24.000
A6SB Module rời lắp SB	5.100
A60SB Mặt dùng cho cầu dao an toàn	15.200
A60MCB1 Mặt dùng cho MCB 1 cực	15.200
A60MCB2 Mặt dùng cho MCB 2 cực	15.200

Thiết bị rời A50, A60, S60

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
A6USB Ổ cắm sạc USB DC 5V-1000mA	96.900
A6US Ổ cắm 2 chấu	24.300
A6UES2 Ổ cắm đôi 3 chấu	64.300
A6UESM Ổ cắm đa năng	41.400
A6M/1 Công tắc 2 chiều	16.600
A6M/2 Công tắc 2 chiều	26.600
A6NGN Đèn báo xanh seri A60	30.500
A6NRD Đèn báo đỏ seri A60	30.500
A6P Nút che trơn	4.000
A6TV75 Ổ cắm đồng phục TV loại 75 Ohm	58.000

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
A6RJ64 Ổ cắm điện thoại 4 dây	58.000
A6RJ88 Ổ cắm mạng LAN 8 dây	114.000
A6MBP Nút nhấn chuông 3A	33.300
A6F Cầu chì	18.000
A6V200-LED Dimmer LED Điện áp:220VAC Công suất: 200W	550.000
ASV200-LED Dimmer LED Điện áp:220VAC Công suất: 200W	720.000
A6V800F Bộ điều chỉnh độ quạt 800VA-220VAC	76.500
A6V800L Bộ điều chỉnh độ sáng đèn 800W-220VAC	76.500
A6V1200L Bộ điều chỉnh độ sáng đèn 1.200W-220VAC	97.000

Thiết bị rời vặn vít A50, A60, S60

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A6USV (Vặn vít) Ổ cắm 2 chấu	24.300
	A6M/1V (Vặn vít) Công tắc 1 chiều	16.600
	A6M/2V (Vặn vít) Công tắc 2 chiều	26.600
	A6M/1M (Vặn vít) Công tắc 1 chiều cỡ trung	23.500
	A6M/2M (Vặn vít) Công tắc 2 chiều cỡ trung	36.000
	A6M/1L (Vặn vít) Công tắc 1 chiều cỡ lớn	25.000
	A6M/2L (Vặn vít) Công tắc 2 chiều cỡ lớn	37.000

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A6UESM-2 (Vặn vít) Ổ cắm đa năng A60 2 module	43.900
	A6UESMV (Vặn vít) Ổ cắm đa năng A60 1.5 module	41.500
	A6P2 Nút che trơn 1.5 module	4.000
	A6NGVN Đèn báo xanh	30.400
	A6NRDV Đèn báo đỏ	30.400
	A6DDI Đèn báo đừng làm phiền	71.400
	A6CLR Đèn báo dọn phòng	71.400

Mặt công tắc & ổ cắm series A70, A80

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A701 Mặt đơn	13.300
	A702 Mặt đôi	13.300
	A703 Mặt ba	13.300
	A70456 Mặt bốn, năm, sáu	24.000
	A70SB Mặt dùng cho cầu dao an toàn	15.600
	A70MCB1 Mặt dùng cho MCB 1 cực	15.600
	A70MCB2 Mặt dùng cho MCB 2 cực	15.600
	KT Thẻ từ (dùng cho BKT)	41.000
	A70KT Bộ công tắc dùng thẻ từ 16A có thời gian chậm	355.000

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A801 Mặt đơn	13.300
	A802 Mặt đôi	13.300
	A803 Mặt ba	13.300
	A80456 Mặt bốn, năm & sáu	24.000
	A80SB Mặt dùng cho cầu dao an toàn	15.600
	A80MCB1 Mặt dùng cho MCB 1 cực	15.600
	A80MCB2 Mặt dùng cho MCB 2 cực	15.600

Mặt công tắc & ổ cắm series A90

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A901 Mặt đơn	13.300
	A902 Mặt đôi	13.300
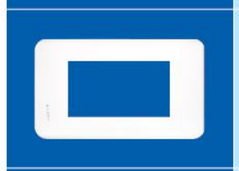	**A903** Mặt ba	13.300
	A90456 Mặt bốn, năm, sáu	24.000

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A90SB Mặt dùng cho cầu dao an toàn	15.600
	A90MCB1 Mặt dùng cho MCB 1 cực	15.600
	A90MCB2 Mặt dùng cho MCB 2 cực	15.600

Thiết bị rời dùng chung series A70, A80, A90

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	AUSB ổ cắm sạc USB DC 5V - 1000mA	96.900
	AM/1 Công tắc 1 chiều	16.600
	AM/2 Công tắc 2 chiều	26.600
	AM/1M Công tắc 1 chiều cỡ trung	23.500
	AM/2M Công tắc 2 chiều cỡ trung	36.000
	AM/1L Công tắc 1 chiều cỡ lớn	29.800
	AM/2L Công tắc 2 chiều cỡ lớn	37.300
	AMD20 Công tắc 20A	70.700
	AMBP Nút nhấn chuông 3A	33.500
	A78F Cầu chì 10A	18.500
	FS Cầu chì 10A	5.100
	AUS Ổ Cắm 2 chấu	23.400

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	AUES Ổ cắm đơn 3 chấu	41.500
	AUES2 Ổ cắm đôi 3 chấu	64.300
	ATV75 Ổ cắm đồng trục TV loại 75ohm	58.000
	ARJ64 Ổ cắm điện thoại 4 dây	58.000
	ARJ88 Ổ cắm mạng LAN 8 dây	114.000
	AP Nút che trơn	4.000
	ANRD Đèn báo Neon (đỏ)	30.400
	ANGN Đèn báo Neon (Xanh)	30.400
	A800F Bộ điều tốc quạt 800VA-220VAC	76.500
	A800L Bộ điều chỉnh độ sáng đèn 800W-220VAC	76.500
	A1200L Bộ điều chỉnh độ sáng đèn 1.200W-220VAC	97.000

Nhóm hộp

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	CA157 Nắp che hộp nhựa âm tường	2.500
	A157N Hộp nhựa âm tường đơn	5.000
	A157ND Hộp nhựa âm tường dùng cho 2 mặt đơn	11.600
	A157V Đế âm tự động chống cháy dùng cho các mặt nạ vuông	8.000
	A157V2 Hộp đế nhựa vuông kiểu Anh	15.800
	A157 MCB Hộp nhựa âm tường dùng cho MCB	11.600
	AK237 Hộp nhựa nổi dùng cho các mặt và ổ cắm (A30)	8.800
	AK2237 Hộp nhựa nổi dùng cho các mặt và ổ cắm (A20)	8.800
	AK2237N Hộp nhựa nổi dùng cho các mặt, ổ cắm A20 và viền A20-Wn	8.800
	AK2237ND Hộp nhựa nổi dùng cho viền A20-WN	16.800
	A157N2 Hộp nhựa âm tường đôi	11.000

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	AKSB Hộp nhựa nổi dùng cho SB	6.600
	AK01 Hộp nhựa nổi đơn	8.800
	AK02 Hộp nhựa nổi đôi	12.700
	A6K01 Đế nổi dùng cho mặt nạ đơn seri A60	9.000
	A6K02 Đế nổi dùng cho mặt nạ đôi seri A60	13.500
	A223V Mặt che phòng thấm nước dùng cho các mặt & ổ cắm loại đứng	104.000
	A223 Mặt che phòng thấm nước dùng cho các mặt & ổ cắm loại đứng	250.000
New	**A223S** Mặt che chống thấm nước	85.000
	N04 Hộp box âm tường cho ổ cắm cạo râu hình chữ nhật	25.000
	N06 Hộp box âm tường cho ổ cắm cạo râu hình vuông	25.000

Khả năng chịu lực

Khả năng chống cháy

GIAO HÀNG NHANH, KỊP THỜI

Ống luồn & lò xo uốn ống

Ống luồn 750N	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A9016 Ống luồn Φ 16mm	19.600
	A9020 Ống luồn Φ 20mm	27.600

Ống luồn 750N	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A9025 Ống luồn Φ 25mm	38.300
	A9032 Ống luồn Φ 32mm	63.600

Ống luồn 320N	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A9016L Ống luồn Φ 16mm	17.700
	A9020L Ống luồn Φ 20mm	22.900

Ống luồn 320N	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A9025L Ống luồn Φ 25mm	34.700
	A9032L Ống luồn Φ 32mm	53.800

Ống luồn heavy 1250N	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A9020HV Ống luồn Φ 20mm loại Heavy 1250N	35.000
	A9025HV Ống luồn Φ 25mm loại Heavy 1250N	50.000

Ống luồn heavy 1250N	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A9032HV Ống luồn Φ 32mm loại Heavy 1250N	98.200

Lò xo uốn ống	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	BS-16 Lò xo uống ống Φ 16	47.500
	BS-20 Lò xo uống ống Φ 20	57.500

Lò xo uốn ống	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	BS-25 Lò xo uống ống Φ 25	76.000
	BS-32 Lò xo uống ống Φ 32	98.000

Phụ kiện

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A258/16 Khớp nối răng 16mm	2.270
	A258/20 Khớp nối răng 20mm	2.690
	A258/25 Khớp nối răng 25mm	3.360
	A258/32 Khớp nối răng 32mm	5.516
	A244/20 (có nắp) Co nối 20mm	5.516
	A244/25 (có nắp) Co nối 25mm	9.650
	A244/16 Co nối 16mm	3.400
	A244/32 Co nối 32mm	10.800
	A240L Nắp hộp nối tròn Mounting Cup	1.700

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A246/25 T nối 25mm	11.250
	A246/20 T nối 20mm	8.100
	A246/16 T nối 16mm	5.700
	A246/32 T nối 32mm	12.480
	A242/16 Khớp nối trơn 16mm	1.000
	A242/20 Khớp nối trơn 20mm	1.190
	A242/25 Khớp nối trơn 25mm	1.780
	A242/32 Khớp nối trơn 32mm	3.040
	A242/20-16 Nối trơn giảm 20-16mm	2.270

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
New	**A242/32-16** Nối trơn giảm 32-16mm	4.540
New	**A242/32-20** Nối trơn giảm 32-20mm	4.540
New	**A242/32-25** Nối trơn giảm 32-25mm	4.540
New	**A242/25-20** Nối trơn giảm 25-20	4.540
New	**A240/16/1** Hộp nối dây 1 đường Φ16	7.040
New	**A240/16/2** Hộp nối dây 2 đường Φ16	7.040
New	**A240/16/2A** Hộp nối dây 2 đường ⊥16	7.040
New	**A240/16/3** Hộp dây nối 3 đường Φ 16	7.040
New	**A240/16/4** Hộp nối dây 4 đường Φ 16	7.040

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A240/20/1 Hộp nối dây 1 đường Φ 20	8.100
	A240/20/2 Hộp nối dây 2 đường Φ 20	8.100
	A240/20/2A Hộp nối dây 2 đường ⊥20	8.100
	A240/20/3 Hộp nối dây 3 đường Φ 20	8.100
	A240/20/4 Hộp nối dây 4 đường Φ 20	8.100
	A240/25/1 Hộp nối dây 1 đường Φ 25	8.900
	A240/25/2 Hộp nối dây 2 đường Φ 25	8.900
	A240/25/2A Hộp nối dây 2 đường ⊥25	8.900
	A240/25/3 Hộp nối dây 3 đường Φ 25	8.900

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A240/25/4 Hộp nối dây 4 đường Φ 25	8.900
New	**A240/32/1** Hộp nối dây 1 đường Φ 32	10.550
New	**A240/32/2** Hộp nối dây 2 đường Φ 32	10.550
New	**A240/32/2A** Hộp nối dây 2 đường ⊥32	10.550
New	**A240/32/3** Hộp nối dây 3 đường Φ 32	10.550
New	**A240/32/4** Hộp nối dây 4 đường Φ 32	10.550
	A332 Hộp nối (76x76x50)mm	16.200

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	A442 Hộp nối (101x101x50)mm	20.250
	A662 Hộp nối (152x152x50)mm	40.570
	A882 Hộp nối (200x200x50)mm	79.450
	A280/16 Kẹp đỡ ống 16mm	1.190
	A280/20 Kẹp đỡ ống 20mm	1.320
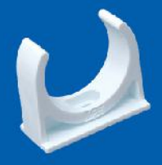	**A280/25** Kẹp đỡ ống 25mm	2.040
	A280/32 Kẹp đỡ ống 32mm	2.950

Ống luồn đàn hồi

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
A9016 CM Ống luồn đàn hồi Φ 16 - 50m/cuộn	138.000
A9016CT Ống luồn đàn hồi PVC màu trắng Φ 16	163.000
A9020 CM Ống luồn đàn hồi Φ 20 - 50m/cuộn	178.000
A9020 CT Ống luồn đàn hồi PVC màu trắng Φ 20	218.000

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
A9025 CM Ống luồn đàn hồi Φ 25 - 40m/cuộn	212.000
A9025 CT Ống luồn đàn hồi PVC màu trắng Φ 25	240.000
A9032 CM Ống luồn đàn hồi Φ 32 - 25m/cuộn	245.000
A9032 CT Ống luồn đàn hồi PVC màu trắng Φ 32	258.000

Ống luồn dẹp

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
MP 20/10 Ống luồn dẹp 20x10mm, dài 2m	13.600
MP 25/14 Ống luồn dẹp 25x14mm, dài 2m	19.800
MP 30/16 Ống luồn dẹp 30x16mm, dài 2m	25.500
MP 40/22 Ống luồn dẹp 40x22mm, dài 2m	41.300

Ống luồn dẹp

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
MP 50/35 Ống luồn dẹp 50x35mm, dài 2m	67.800
MP 60/40 Ống luồn dẹp 60x40mm, dài 2m	84.800
MP 80/50 Ống luồn dẹp 80x50mm, dài 2m	137.000
MP 100/40 Ống luồn dẹp 100x40mm, dài 2m	168.400
MP 100/60 Ống luồn dẹp 100x60mm, dài 2m	214.700

THIẾT BỊ ĐÓNG CẮT, TỦ ĐIỆN

* MCB dòng cắt cao 4.5KA, 6KA, 10KA
* RCBO bảo vệ quá tải & chống giật
* Tủ điện kết cấu chắc chắn, mẫu mã đẹp

4.5kA - 6kA

4.5kA - 6kA

10kA

Mã hàng Model	Số cực	Dòng định mức In (A)	Icu (kA)	Đơn giá Unit price (VNĐ)
MP6-C106	1P	6A	6kA	57.000
MP6-C110	1P	10A	6kA	57.000
MP6-C116	1P	16A	6kA	57.000
MP6-C120	1P	20A	6kA	57.000
MP6-C125	1P	25A	6kA	57.000
MP6-C132	1P	32A	6kA	57.000
MP6-C140	1P	40A	6kA	57.000
MP6-C150	1P	50A	6kA	77.500
MP6-C163	1P	63A	6kA	77.500
MP4-C150	1P	50A	4.5kA	57.000
MP4-C163	1P	63A	4.5kA	57.000
MP6-C206	2P	6A	6kA	114.000
MP6-C210	2P	10A	6kA	114.000
MP6-C216	2P	16A	6kA	114.000
MP6-C220	2P	20A	6kA	114.000
MP6-C225	2P	25A	6kA	114.000
MP6-C232	2P	32A	6kA	114.000
MP6-C240	2P	40A	6kA	114.000
MP6-C250	2P	50A	6kA	157.000
MP6-C263	2P	63A	6kA	157.000
MP4-C250	2P	50A	4.5kA	114.000
MP4-C263	2P	63A	4.5kA	114.000
MP10-C280	2P	80A	10kA	370.000
MP10-C2100	2P	100A	10kA	380.000

4.5kA - 6kA

10kA

6kA

Mã hàng Model	Số cực	Dòng định mức In (A)	Icu (kA)	Đơn giá Unit price (VNĐ)
MP6-C310	3P	10A	6kA	171.000
MP6-C316	3P	16A	6kA	171.000
MP6-C320	3P	20A	6kA	171.000
MP6-C325	3P	25A	6kA	171.000
MP6-C332	3P	32A	6kA	171.000
MP6-C340	3P	40A	6kA	171.000
MP6-C350	3P	50A	6kA	239.000
MP6-C363	3P	63A	6kA	239.000
MP6-C350	3P	50A	4,5kA	171.000
MP6-C363	3P	63A	4,5kA	171.000
MP10-C380	3P	80A	10kA	560.000
MP10-C3100	3P	100A	10kA	580.000
MP6-C410	4P	10A	6kA	267.000
MP6-C416	4P	16A	6kA	267.000
MP6-C420	4P	20A	6kA	267.000
MP6-C425	4P	25A	6kA	267.000
MP6-C432	4P	32A	6kA	267.000
MP6-C440	4P	40A	6kA	267.000
MP6-C450	4P	50A	6kA	441.000
MP6-C463	4P	63A	6kA	441.000

Thiết bị đóng ngắt, bảo vệ dòng rò & quá tải

RCCB

Mã hàng Model	Số cực	Dòng định mức In (A)	Dòng rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Đơn giá Unit price (VNĐ)
MEL-30/225	2P	25A	30mA/100mA	426.000
MEL-30/232	2P	32A	30mA/100mA	458.000
MEL-30/240	2P	40A	30mA/100mA	458.000
MEL-30/263	2P	63A	30mA/100mA	648.000
MEL-30/425	4P	25A	30mA/100mA	660.000
MEL-30/432	4P	32A	30mA/100mA	704.000
MEL-30/440	4P	40A	30mA/100mA	704.000
MEL-30/463	4P	63A	30mA/100mA	938.000

RCBO

Mã hàng Model	Số cực	Dòng định mức In (A)	Dòng rò $I_{\Delta n}$ (mA)	Icu (kA)	Đơn giá Unit price (VNĐ)
RCBO-30/225	2P	25A	30mA	6kA	426.000
RCBO-30/232	2P	32A	30mA	6kA	466.000
RCBO-30/240	2P	40A	30mA	6kA	466.000
RCBO-30/263	2P	63A	30mA	6kA	659.000

Cầu dao an toàn

SB

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SB-10 Cầu dao an toàn 10A 10A Safety Breaker	47.000
SB-15 Cầu dao an toàn 15A 15A Safety Breaker	47.000
SB-20 Cầu dao an toàn 20A 20A Safety Breaker	47.000
SB-30 Cầu dao an toàn 30A 30A Safety Breaker	47.000
SB-40 Cầu dao an toàn 40A 40A Safety Breaker	47.000

Kích thước MCB - RCBO

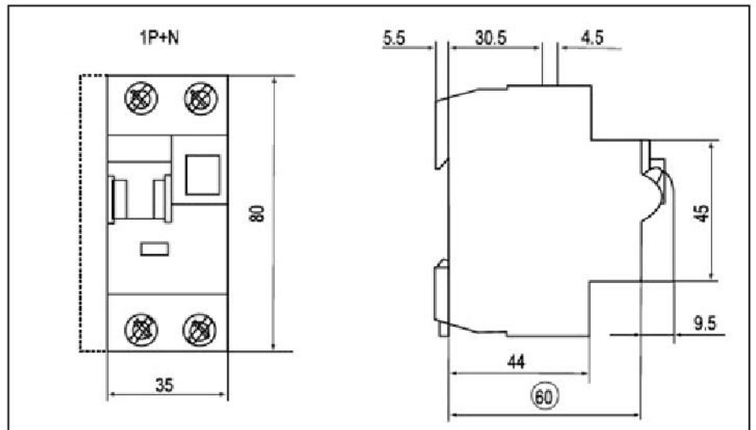

Kích thước RCBO

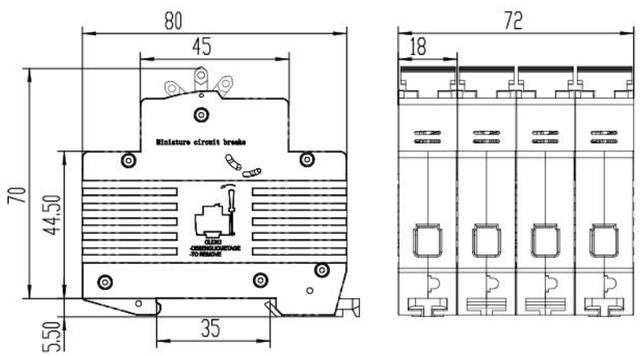

Kích thước MCB 6A - 63A

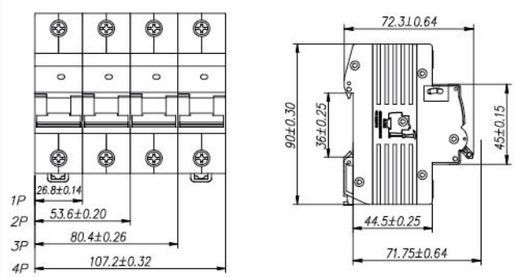

Kích thước MCB 80A, 100A-10kA

Tủ điện series T	Mã hàng Model	Số cực	Kích thước (AxBxCxDxH1xH2)mm	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	T4	2-4	148x160x128x135x89x70 mm	141.000
	T6	5-6	215x199x188x170x89x70 mm	187.000
	T10	710	287x213x258x185x89x70 mm	300.000
	T14	11-14	362x248x330x216x89x70 mm	390.000
	T20	15-20	470x248x440x216x95x76 mm	589.000
	T24	21-24	323x382x300x355x95x76 mm	840.000
	T32	25-32	398x500x365x460x105x76 mm	1.032.000
	T40	33-40	470x500x440x460x105x76 mm	1.191.000

Kích thước tủ điện

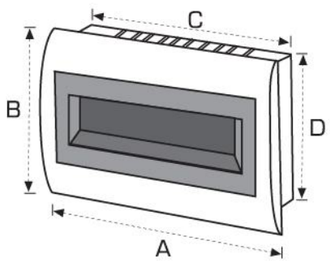

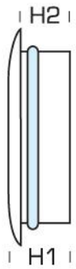

Tủ điện series TS	Mã hàng Model	Số cực	Kích thước (AxBxCxDxH1xH2)mm	Đơn giá Unit price (VNĐ)
	Tủ TS-4	2-4	148x160x128x148x90x70 mm	141.000
	Tủ TS-6	5-6	200x216x180x190x96x70 mm	187.000
	Tủ TS-12	7-12	311x248x286x226x96x70 mm	300.000
	Tủ TS-14	11-14	349x248x326x228x96x70 mm	390.000
	Tủ TS-20	15-20	468x248x434x228x96x76 mm	589.000
	Tủ TS-24	21-24	311x404x300x348x96x76 mm	840.000
	Tủ TS-32	25-32	396x496x372x475x105x76 mm	1.032.000
	Tủ TS-40	33-40	468x496x443x475x105x76 mm	1.191.000

Kích thước tủ điện

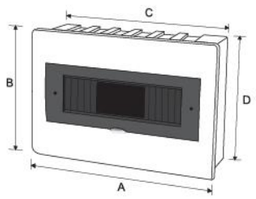

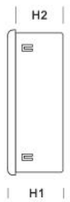

Phần thanh ray có thể thay đổi hướng lắp đặt

Thanh dẫn điện bằng đồng

Tủ điện chống thấm IP66

Tủ điện series WP	Mã hàng Model	Số cực	Kích thước (LxHxW)mm	Đơn giá Unit price (VNĐ)
New	Tủ WP-4	2-4	107x212x92 mm	650.000
	TủWP-6	5-6	165x200x100 mm	810.000
New	Tủ WP-9	7-9	219x200x100 mm	996.000
	Tủ WP-12	10-12	273x230x110 mm	1.348.000
New	TủWP-18	13-18	381x230x110 mm	1.824.000
	Tủ WP-24	19-24	273x380x110 mm	2.375.000
	Tủ WP-36	25-36	381x380x110 mm	3.263.000

- Thay đổi linh kiện linh hoạt đáp ứng nhu cầu sử dụng, dễ lắp đặt, an toàn cao
- Sử dụng đế sắt
- Module USB sạc tất cả thiết bị như: Iphone, Ipad, ...

- Làm bằng nhựa cao cấp chịu nhiệt và cách điện cao
- Thân nhựa kín nước hoàn toàn
- Dễ lắp đặt, độ an toàn cao

Phích cắm di động có kẹp giữ dây

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
MPN-013 16A-240V 2P+E-IP44	69.500
MPN-0132 16A-240V 2P+E-IP67	205.500
MPN-023 32A-240V 2P+E-IP44	115.000
MPN-0232 32A-240V 2P+E-IP67	268.700

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
MPN-014 16A-380V-415V 3P+E-IP44	88.500
MPN-024 32A-380V-415V 3P+E-IP44	125.400
MPN-015 16A-380V-415V 3P+N+E-IP44	101.000
MPN-025 32A-380V-415V 3P+N+E-IP44	147.500

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
MPN-0252 32A-380V-415V 3P+N+E-IP67	305.600
MPN-0342 63A-380V-415V 3P+E-IP67	505.000
MPN-0352 63A-380V-415V 3P+N+E-IP67	526.000
MPN-044k 125A-380V-415V 3P+E-IP67	1.502.000
MPN-045k 125A-380V-415V 3P+N+E-IP67	1.686.000

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
MPN-623 32A-380V-2P E-IP44	135.000

Ổ cắm di động bắt trên bảng điện

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
MPN-313 16A-240V 2P+E-IP44	110.600
MPN-3132 16A-240V 2P+E-IP67	268.700
MPN-323 32A-240V 2P+E-IP44	156.000
MPN-3232 32A-240V 2P+E-IP67	358.300

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
MPN-314 16A-380V-415V 3P+E-IP44	120.000
MPN-324 32A-380V-415V 3P+E-IP44	162.300
MPN-315 16A-380V-415V 3P+N+E-IP44	130.700
MPN-325 32A-380V-415V 3P+N+E-IP44	183.400
MPN-3252 32A-380V-415V 3P+N+E-IP67	367.800

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
MPN-3342 63A-380V-415V 3P+E-IP67	673.400
MPN-3352 63A-380V-415V 3P+N+E-IP67	725.000
MPN-3442 125A-380V-415V 3P+E-IP67	1.527.000
MPN-3452 125A-380V-415V 3P+N+E-IP67	1.738.000

Ổ cắm cố định gắn âm

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
MPN-413 16A-240V 2P+E-IP44	111.700
MPN-4132 16A-240V 2P+E-IP67	205.500
MPN-423 32A-240V 2P+E-IP44	158.000
MPN-4232 32A-240V 2P+E-IP67	358.300
MPN-414 16A-380V-415V 3P+E-IP44	121.200
MPN-424 32A-380V-415V 3P+E-IP44	174.000
MPN-415 16A-380V-415V 3P+N+E-IP44	142.300
MPN-425 32A-380V-415V 3P+N+E-IP44	195.000

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
MPN-4342 63A-380V-415V 3P+E-IP67	603.000
MPN-4352 63A-380V-415V 3P+N+E-IP67	637.600
MPN-4252 New 32A-380V-415V 3P+N+E-IP67	420.500
MPN-4442 125A-380V-415V 3P+E-IP67	1.578.700
MPN-4452 125A-380V-415V 3P+N+E-IP67	1.760.000

Ổ cắm di động có kẹp giữ dây

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
MPN-1013 16A-6h/220-250V 2P+E-IP44	479.500

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
MPN-213 16A-240V 2P+E-IP44	90.600
MPN-2132 16A-240V 2P+E-IP67	221.300
MPN-223 32A-240V 2P+E-IP44	143.300
MPN-2232 32A-240V 2P+E-IP67	347.800

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
MPN-214 16A-380V-415V 3P+E-IP44	115.000
MPN-224 32A-380V-415V 3P+E-IP44	157.000

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
MPN-225 32A-380V-415V 3P+N+E-IP44	199.000
MPN-2342 63A-380V-415V 3P+E-IP67	673.400
MPN-2252 32A-380V-415V 3P+N+E-IP67	331.000
MPN-215 16A-380V-415V 3P+N+E-IP44	136.000
MPN-2352 63A-380V-415V 3P+N+E-IP67	780.000
MPN-2452 125A-380V-415V 3P+N+E-IP67	1.897.000
MPN-2442 125A-380V-415V 3P+E-IP67	1.818.000

Ổ cắm & phích cắm công nghiệp

Ổ cắm cố định gắn nổi

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
MPN-113 16A-240V 2P+E-IP44	125.400
MPN-1132 16A-240V 2P+E-IP67	355.000
MPN-123 32A-240V 2P+E-IP44	167.600
MPN-1232 32A-240V 2P+E-IP67	410.000
MPN-114 16A-380V-415V 3P+E-IP44	143.300
MPN-124 32A-380V-415V 3P+E-IP44	182.300
MPN-115 16A-380V-415V 3P+N+E-IP44	152.800
MPN-125 32A-380V-415V 3P+N+E-IP44	189.700
MPN-1252 32A-380V-415V 3P+N+E-IP67	505.800
MPN-1342 63A-380V-415V 3P+E-IP67	789.300
MPN-1352 63A-380-415V 3P+N+E-IP67	884.000
MPN-1442 125A-380-415V 3P+E-IP67	2.231.000
MPN-1452 125A-240-415V 3P+N+E-IP44	2.371.000

Cầu dao chống thấm nước IP66

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
SW-120 20A-250V-1P	431.000
SW-132 32A-250V-1P	545.000
SW-220 20A-250V-1P	556.000
SW-232 32A-250V-2P	579.000
SW-263 63A-250V-2P	783.000
SW-320 20A-500V-3P	658.000
SW-332 32A-500V-3P	681.000
SW-363 63A-500V-3P	1.055.000

Ổ cắm kết hợp công tắc 3 cực IP66

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
S-315 15A-250V-3P	851.000
S-332 32A-250V-3P	1.067.000

Phích cắm plug IP 66

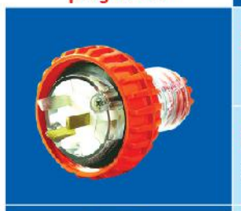

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
P-315 15A-250V-3P	238.000
P-332 32A-250V-3P	567.500
MPN-C Nút che ổ cắm công nghiệp loại bắt tường	3.000

Ổ cắm âm sàn thiết bị rời A60

MPE

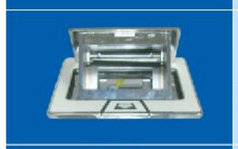

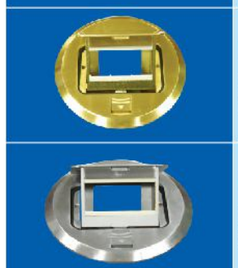

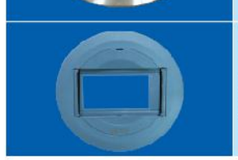

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
FY-60 Ổ cắm âm sàn kiểu vuông màu vàng	741.000
FA-60 Ổ cắm âm sàn kiểu vuông màu xám	741.000
FB-60 Ổ cắm âm sàn kiểu vuông màu đen	741.000
FW-60 Ổ cắm âm sàn kiểu vuông màu trắng	741.000
FCY-60 Ổ cắm âm sàn kiểu tròn màu vàng	741.000
FCA-60 Ổ cắm âm sàn kiểu tròn màu xám	741.000
FGP Ổ cắm âm sàn 3 lỗ kiểu tròn bằng nhựa + đế âm	660.000

Phụ kiện âm sàn

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
A6USB Ổ cắm sạc USB DC 5V-1000mA	96.900
A6NGNV Đèn báo xanh	30.400
A6NRDV Đèn báo đỏ	30.400

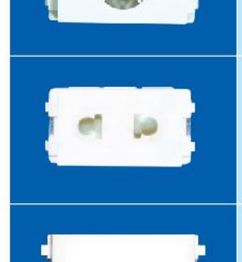

Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
A6UES2 Ổ cắm đôi 3 chấu	64.300
A6RJ64 Ổ cắm điện thoại 4 dây	58.000
A6RJ88 Ổ cắm mạng LAN 8 dây	114.000
A6TV75 Ổ cắm đồng trục TV loại 75 Ohm	58.000
A6USV Ổ cắm 2 chấu	24.300
A6P Nút che trơn	4.000
A6UESM/2 Ổ cắm đa năng A60 (2 module)	43.900
A6UESMV Ổ cắm đa năng A60 (1.5 module)	41.500
A6P2 Nút che trơn 1.5 module	4.000
F115 Đế sắt dùng cho ổ cắm âm sàn	58.000

Ổ cắm âm bàn

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	TBS1 Table socket 2 ổ cắm đa năng 2 cổng kết nối USB 2 cổng kết nối mạng	2.820.000
	TBS3 Table socket 1 ổ cắm 3 chấu (2 chấu dẹp + 1 chấu tròn) 1 cổng kết nối USB 1 bộ sạc không dây 1 cổng kết nối mạng	2.990.000
	TBS5 Table socket 3 ổ cắm 3 chấu (2 chấu dẹp + 1 chấu tròn) 3 cổng kết nối USB 3 cổng kết nối mạng	2.600.000

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
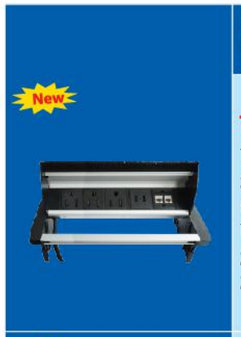	**TBS2** Table socket 3 ổ cắm 3 chấu (2 chấu dẹp + 1 chấu tròn) 2 cổng kết nối USB 2 cổng kết nối mạng	2.600.000
	TBS4 Table socket Có thể cắm phích từ 2 phía 3 ổ cắm 3 chấu (2 chấu dẹp + 1 chấu tròn) 2 cổng kết nối USB	2.300.000
	TBS6 Table socket 3 ổ cắm ba chấu (2 chấu dẹp + 1 chấu tròn) 2 cổng kết nối USB điều khiển ổ cắm nâng lên & hạ xuống bằng điện	9.028.000

Ổ cắm du lịch, ổ cắm di động

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	AD1 Ổ cắm du lịch, chân cắm dẹp-tròn	22.000
	AD2 Ổ cắm du lịch, 3 chân cắm kiểu Anh	27.200
	TA1 Ổ cắm du lịch	93.000
	TA2 Ổ cắm du lịch, tích hợp cổng USB	262.000
	TA3 Ổ cắm du lịch, tích hợp cổng USB	210.000
	TA4 Ổ cắm du lịch đa năng 2 cổng USB	271.000

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
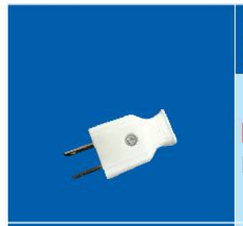	**PL1** Phích cắm chân dẹp	8.600
	AM5S Ổ cắm di động đa năng-5 ổ	199.000
	AM5F Ổ cắm di động có cầu chì & CB bảo vệ	270.000
	AM5SFB Ổ cắm di động có cầu chì & CB bảo vệ phích cắm 3 chấu vuông kiểu Anh	318.000

Dây cáp

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	RG6-112 Cáp tivi 75 Ohm màu đen 112 lõi đồng Đóng gói:100m/cuộn	8.000
	TLC-2P Cáp điện thoại 2 đôi (1/0.5mmx2P) đóng gói:100m/cuộn 200m/cuộn	5.600
	CAT5E-4P Cáp mạng FTP 4 đôi Đóng gói: 305m/cuộn có giáp bạc chống nhiễu	12.000
	CAT6E-4P Cáp mạng FTP 4 đôi Đóng gói:305m/cuộn Giáp bạc chuống nhiễu	16.000

Băng keo điện

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá(VNĐ) Unit Price
	BKD-20 Băng keo điện P.V.C 0.13mmx19mmx20 yds - màu đen	9.900
	BKW-20 Băng keo điện P.V.C 0.13mmx19mmx20 yds - màu trắng	9.900
	BKG-20 Băng keo điện P.V.C 0.13mmx19mmx20 yds - màu xanh lá	9.900
	BKY-20 Băng keo điện P.V.C 0.13mmx19mmx20 yds - màu vàng	9.900
	BKR-20 Băng keo điện P.V.C 0.13mmx19mmx20 yds - màu đỏ	9.900

Quạt hút âm trần/ âm tường

	Mã số / Diễn giải Cat. No./ Description	Đơn giá (VNĐ) Unit Price
	AFC-130 **Quạt hút loại ốp tường có mặt che bảo vệ** ■ Đường kính cánh quạt 120mm ■ Công suất tiêu thụ điện 25 Watt ■ Công suất hút gió 4.8m³/min ■ Điện thế 220 Volt ■ Kích thước (L x W x H): 250x180x250 mm ■ Kích thước đục lỗ tường 200mm x 200mm ■ Độ ồn: 40dB	540.000
	AF-150 **Quạt hút loại ốp tường có mặt che bảo vệ** ■ Đường kính cánh quạt 150mm ■ Công suất tiêu thụ điện 25 Watt ■ Công suất hút gió 4.8m³/min ■ Điện thế 220 Volt ■ Kích thước (L x W x H): 235x140x235 mm ■ Kích thước đục lỗ tường 200mm x 200mm ■ Độ ồn: 43dB	450.000
	AF-200 **Quạt hút loại ốp tường có mặt che bảo vệ** ■ Đường kính cánh quạt 200mm ■ Công suất tiêu thụ điện 30 Watt ■ Công suất hút gió 8.1m³/min ■ Điện thế 220 Volt ■ Kích thước (L x W x H): 290x145x290 mm ■ Kích thước đục lỗ tường 250mm x 250mm ■ Độ ồn: 46dB	540.000
	AF-250 **Quạt hút loại ốp tường có mặt che bảo vệ** ■ Đường kính cánh quạt 250mm ■ Công suất tiêu thụ điện 40 Watt ■ Công suất hút gió 12.6m³/min ■ Điện thế 220 Volt ■ Kích thước (L x W x H): 335x145x335 mm ■ Kích thước đục lỗ tường 305mm x 305mm ■ Độ ồn: 48dB	595.000

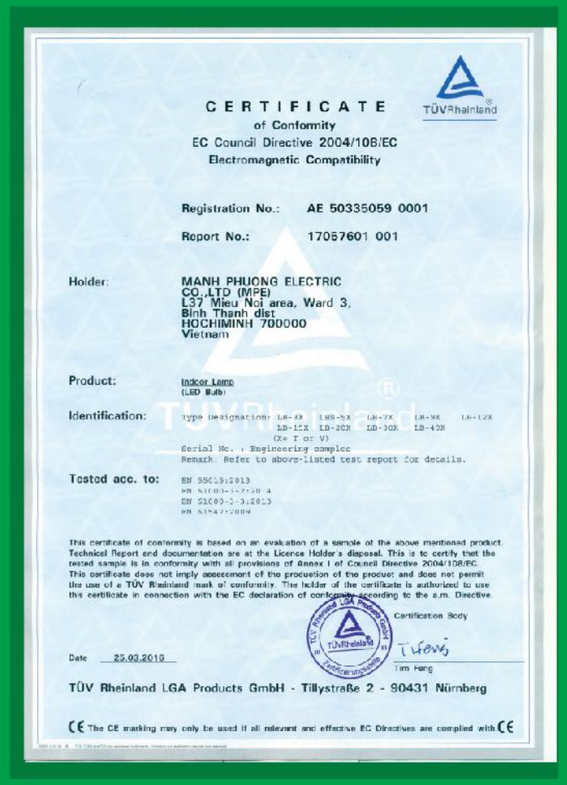

CERTIFICATE
of Conformity
EC Council Directive 2004/108/EC
Electromagnetic Compatibility

TÜVRheinland

Registration No.: AE 50335059 0001
Report No.: 17057601 001

Holder: MANH PHUONG ELECTRIC CO.,LTD (MPE) L37 Mieu Noi area, Ward 3, Binh Thanh dist HOCHIMINH 700000 Vietnam

Product: Indoor Lamp (LED Bulb)

Identification: Type Designation: LB-8X LB-9X LB-7X LB-9X LB-12X LB-15X LB-20X LB-30X LB-40X (X= I or V)
Serial No. : Engineering sample
Remark: Refer to above-listed test report for details.

Tested acc. to: EN 55015:2013
EN 61000-3-2:2014
EN 61000-3-3:2013
EN 61547:2009

This certificate of conformity is based on an evaluation of a sample of the above mentioned product. Technical Report and documentation are at the Licence Holder's disposal. This is to certify that the tested sample is in conformity with all provisions of Annex I of Council Directive 2004/108/EC. This certificate does not imply assessment of the production of the product and does not permit the use of a TÜV Rheinland mark of conformity. The holder of the certificate is authorized to use this certificate in connection with the EC declaration of conformity according to the a.m. Directive.

Certification Body
Tim Feng

Date 25.03.2010

TÜV Rheinland LGA Products GmbH - Tillystraße 2 - 90431 Nürnberg

CE The CE marking may only be used if all relevant and effective EC Directives are complied with CE

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Châu Âu

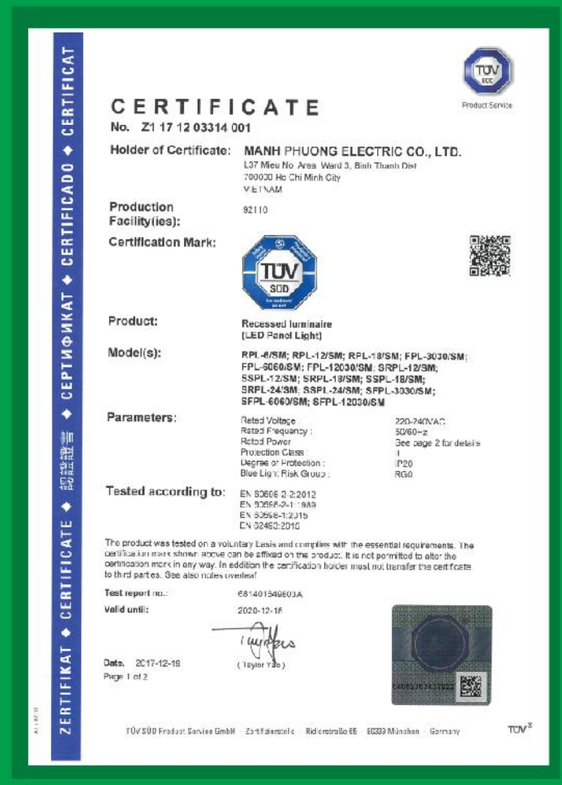

ZERTIFIKAT ◆ CERTIFICATE ◆ 認證證書 ◆ CEPTIФИКАТ ◆ CERTIFICADO ◆ CERTIFICAT

TÜV Product Service

CERTIFICATE
No. Z1 17 12 03314 001

Holder of Certificate: MANH PHUONG ELECTRIC CO., LTD.
L37 Mieu Noi Area Ward 3, Binh Thanh Dist
700000 Ho Chi Minh City
VIETNAM

Production Facility(ies): 92110

Certification Mark:

Product: Recessed luminaire (LED Panel Light)

Model(s): RPL-4/SM; RPL-12/SM; RPL-18/SM; FPL-3030/SM; FPL-6060/SM; FPL-12030/SM; SRPL-12/SM; SSPL-12/SM; SRPL-18/SM; SSPL-18/SM; SRPL-24/SM; SSPL-24/SM; SFPL-3030/SM; SFPL-6060/SM; SFPL-12030/SM

Parameters:
Rated Voltage 220-240VAC
Rated Frequency: 50/60~z
Rated Power See page 2 for details
Protection Class I
Degree of Protection: IP20
Blue Light Risk Group: RG0

Tested according to:
EN 60598-2-2:2012
EN 60598-2-1:1989
EN 60598-1:2015
EN 62493:2010

The product was tested on a voluntary basis and complies with the essential requirements. The certification mark shown above can be affixed on the product. It is not permitted to alter the certification mark in any way. In addition the certification holder must not transfer the certificate to third parties. See also notes overleaf.

Test report no.: 6814015498603A
Valid until: 2020-12-16

Date 2017-12-18 (Taylor Yao)
Page 1 of 2

TÜV SÜD Product Service GmbH · Zertifizierstelle · Ridlerstraße 65 · 80339 München · Germany

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn Châu Âu

DIALux

CERTIFICATE

THIS CERTIFICATE IS PROUDLY PRESENTED TO

MANH PHUONG ELECTRIC CO., LTD

MPE

IS OUR FIRST PREMIUM PARTNER IN VIETNAM

DIALux improves the lighting design process by making it accessible and easy to apply for everyone

Lüdenscheid, 2018-01-03

Dieter Folle
Chief executive officer

Friedrich W. Bremacker
Business Unit Director Sales

DIALux is a registered trademark of DIAL GmbH

www.dialux.com

Chứng nhận DIALux